

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI NGỌC CHÍNH

TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP
HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH SƠN LA

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

MAI NGỌC CHÍNH

**TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP
HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH SƠN LA**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH**

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi trên cơ sở định hướng của người hướng dẫn khoa học là PGS.TS Phạm Văn Tinh.

Các nội dung nghiên cứu, số liệu và kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Tôi xin chịu trách nhiệm mặt pháp lý về nội dung của công trình.

Tác giả luận văn

Mai Ngọc Chính

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY.....	8
1.1. Những vấn đề lý luận về về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	8
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	20
Chương 2 ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY TỪ THỰC TIỄN TỈNH SƠN LA	34
2.1. Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.....	34
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	47
2.3. Thực trạng các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	61
Chương 3 CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY.....	68
3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	68
3.2. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự.....	69
3.3. Các giải pháp về tổ chức và tăng cường nguồn lực để bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	69
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
TNHS	Trách nhiệm Hình sự
QPPLHS	Quy phạm pháp luật hình sự
CTTP	Cấu thành tội phạm
ADPL	Áp dụng pháp luật

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	39
Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử các vụ án và bị cáo bị về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015.	40
Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo đã bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm 2011-2015	41
Bảng 2.4: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015:.....	55
Bảng 2.5: Nhân thân của các bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La	56

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tệ nạn ma túy là hiểm họa đối với mọi quốc gia trên thế giới, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển lành mạnh đối với kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đe dọa sự ổn định về an ninh và chủ quyền của quốc gia. Ma túy là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm bùng phát đại dịch HIV/AIDS và hàng loạt các tội phạm như: giết người, cướp tài sản, trộm cắp, hiếp dâm.... Chính vì vậy, trong BLHS của Nhà nước ta, từ nhiều năm nay đã phải giành một chương quy định các tội phạm về ma túy, trong đó có tội *tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*. Loại tội này đã và đang xảy ra ở các địa bàn trên cả nước, trong đó có tỉnh Sơn La.

Sơn La là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Tổ quốc, có diện tích 14.125 km² chiếm khoảng 4,27% tổng diện tích Việt Nam, đứng thứ 3 trong 63 tỉnh, thành phố; có 3 Cửa khẩu với nước bạn Lào; có 12 dân tộc anh em sinh sống và đặc biệt, Sơn La rất gần khu vực “Tam giác vàng” - điểm nóng ma túy của thế giới. Ở Việt nam, Sơn La được xem là trọng điểm ma túy của cả nước. Tình hình tội phạm về ma túy tại tỉnh Sơn La diễn ra hết sức phức tạp, các đường dây mua bán, vận chuyển chất ma túy hoạt động khép kín, ngày càng tinh vi và có sự cấu kết chặt chẽ giữa tội phạm trong nước và tội phạm về ma túy quốc tế, hình thành nên những đường dây buôn bán ma túy lớn có tính chất xuyên quốc gia qua biên giới Việt Nam - Lào. Trong thời gian gần đây, trên biên giới tỉnh Sơn La nổi lên hoạt động của các băng, nhóm mua bán, vận chuyển ma túy có trang bị vũ khí, các phương tiện liên lạc và phương tiện vận chuyển hiện đại trên tuyến Mộc Châu, Vân Hồ, chúng sử dụng thủ đoạn ngày càng tinh vi và thường rất hung hãn, sẵn sàng chống trả quyết liệt khi bị phát hiện truy bắt. Ngoài ra, theo thống kê của Bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La thì hoạt động trồng và tái trồng cây có chứa chất ma túy trên địa bàn biên giới ở phía bạn Lào cũng có nhiều diễn biến phức tạp, ngày càng khó kiểm soát. Lực lượng chức năng của nước bạn Lào đã phát hiện một số địa bàn, khu vực có trồng cây

thuốc phiện nhưng không thể tiếp cận để tuyên truyền vận động, triệt phá do sự phản ứng quyết liệt, cục bộ của người dân, nhất là địa bàn các bản có người Mông sinh sống.

Qua thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử tại tỉnh Sơn La thì thấy rằng các tội phạm về ma túy nói chung, tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số tổng số tội phạm hình sự. Các chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với tội phạm về ma túy là rất toàn diện và nghiêm khắc. Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy lùi tiến tới xóa bỏ tệ nạn ma túy. Các hành vi liên quan đến tội phạm về ma túy đều bị xử lý bằng những hình phạt rất nghiêm khắc. Cùng với cả nước, tỉnh Sơn La đã yêu cầu cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phòng, chống ma túy... Tỉnh Sơn La chỉ đạo sát sao các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm về ma túy trên các tuyến biên giới, điều tra, triệt phá các tổ chức, đường dây mua bán ma túy lớn, các điểm, tụ điểm phức tạp trong nội địa, truy bắt các đối tượng truy nã về tội phạm về ma túy. Đồng thời, tăng cường phối hợp với lực lượng chức năng tỉnh Houphan (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào) kiểm soát tội phạm về ma túy trên các tuyến biên giới để ngăn chặn ma túy vào địa bàn tỉnh Sơn La.

Chính nhờ thực tiễn đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm về ma túy tại tỉnh Sơn La cho thấy được những hạn chế, vướng mắc cần phải được hoàn thiện về nhiều mặt, trong đó có cả mặt pháp luật (quy định), cũng như mặt hướng dẫn áp dụng pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Đây là hướng đấu tranh chống tội phạm về ma túy bằng pháp luật hình sự, một hướng mà tính cấp thiết của nó luôn luôn đặt ra và theo hướng này, đề tài “***Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sơn La***” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài Luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu và tham khảo:

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận

- “*Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” Nxb Chính trị quốc gia, 1994;
- “*Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ Luật Hình sự - Phần các tội phạm*” Th.s Đinh Văn Quế, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2005;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*”, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội (1997);
- *Bình luận khoa học BLHS năm 1999* của Thạc sĩ Đinh Văn Quế, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt nam - phần các tội phạm*” (2008), Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
- “*Lý luận chung về định tội danh*” (2013), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- “*Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*” (2014), Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- “*Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*” 2005, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội;
- “*Định tội danh – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, GS.TSKH Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án nhân dân các số 3, 4, 5, 8 và 11/1999;

2.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn

Các tội phạm về ma túy là tội phạm có tính nguy hiểm gây ra cho xã hội cao, được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu ở nhiều phạm vi và cấp độ khác nhau. Để phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện đề tài, những công trình khoa học sau đây về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đã được tác giả tham khảo:

- Luận văn Thạc sĩ Luật học: “*Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Lai Châu*” của tác giả Nguyễn Huy Hoàng, Học viên Khoa học xã hội- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013;

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng”* của tác giả Phạm Trung Hiếu, Học viên Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2013;

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“Các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn ở địa bàn Thành phố Hải Phòng”* của tác giả Nguyễn Thủy Thanh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2012;

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk”* của tác giả Phan Thị Hồng Thắng, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013;

- Luận văn Thạc sỹ Luật học: *“Quyết định hình phạt đối với các tội phạm về ma túy từ thực tiễn thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình”* của tác giả Phạm Văn Khôi, Học viên Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2012;

Những công trình nghiên cứu nêu trên đều nghiên cứu tình hình tội phạm trên các địa bàn khác hoặc nghiên cứu chung cả nước, trong khi đó chưa có công trình nghiên cứu nào về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên cơ sở thực tiễn tỉnh Sơn La. Trong luận văn này tôi cố gắng đi sâu nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và sử dụng những số liệu, những vụ án thực tế tại tỉnh Sơn La để minh họa cho những hạn chế còn tồn tại, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS và các văn bản khác liên quan.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là phân tích khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh nói chung và định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La, từ đó đánh giá

các điểm hợp lý và bất hợp lý trong việc thực hiện những quy định của pháp luật hiện và rút ra được những kiến nghị giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự, bao gồm hoàn thiện quy định về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể như sau:

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam, có sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử;

Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy ở địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 trên cơ sở hướng dẫn lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt;

Kiến nghị giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Trên cơ sở thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn từ 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Sơn La, luận văn xác định và luận giải sự phù hợp hoặc chưa phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự và thực tế thực hiện hành vi của người phạm tội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi tỉnh Sơn La;

Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2011

đến 2015, gồm số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;

Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại Điều 194 BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê Nin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước, pháp luật và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng tổng hòa các phương pháp đặc thù của khoa học luật hình sự để nghiên cứu đó là: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, phương pháp khái quát hóa để giải quyết những vấn đề khoa học được đặt ra từ nội dung đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận văn

Trong công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân hiện nay, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đã góp phần làm phong phú thêm vào kho tàng lý luận về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong khoa học luật Hình sự Việt Nam nói riêng và qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ quyền con người, bảo đảm an ninh, an toàn và trật tự xã hội.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Luận văn là tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng đặc biệt là Tòa án trong việc định tội danh giải quyết vụ án hình sự được khách quan, công bằng và có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, luận văn còn cơ sở để đưa ra các kiến nghị

hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng, bảo vệ các quyền và tự do của con người, cũng như phòng, chống oan, sai và vi phạm pháp luật trong thực tiễn giải quyết các vụ án tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Đặc biệt, luận văn còn là tài liệu tham khảo cho các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật hình sự và Tội phạm học tại các cơ sở đào tạo luật trên cả nước.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Chương 2: Định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Sơn La.

Chương 3: Các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TÚY

1.1. Những vấn đề lý luận về về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.1.1.1. Khái niệm

Đến nay, trên thế giới chưa có một khái niệm thống nhất về ma túy hay chất ma túy.

Theo từ điển Tiếng Việt thì “ma túy” là tên gọi chung cho tất cả các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện. [40, tr583].

Theo từ điển bách khoa Công an nhân dân thì “ma túy” được hiểu là hợp chất khi đưa vào cơ thể sống có tác dụng làm thay đổi một hay nhiều chức năng của cơ thể. [41, tr28].

Theo định nghĩa của Liên hợp quốc: “*Ma túy là chất hoá học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức trí tuệ của con người, làm cho con người bị lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng. Do vậy, việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất đó phải được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật và chịu sự kiểm soát của cơ quan bảo vệ pháp luật*”. [49].

Theo định nghĩa của Tổ chức Y tế thế giới thì: Ma túy là các chất độc, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ phá hủy các cơ quan nội tạng. Năm 1982 WHO đã phát triển định nghĩa Ma túy như sau: “*Ma túy theo nghĩa rộng nhất là mọi thực thể hoá học hoặc là những thực thể hỗn hợp, khác với tất cả những cái được đòi hỏi để duy trì một sức khoẻ bình thường, việc sử dụng những cái đó sẽ làm biến đổi chức năng sinh học và có thể cả cấu trúc của vật*”. [50].

Theo BLHS năm 1999 thì khái niệm thế nào là “chất ma túy” không được quy định độc lập thành một điều luật mà được liệt kê quy định trong các tình tiết

khung tăng nặng của các điều luật trong Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy”. Ma túy bao gồm: nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa, cao côca, hêrôin, côcain, lá, hoa, quả cây cần sa, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, các chất ma túy khác ở thể rắn, các chất ma túy khác ở thể lỏng. Trong đó, các chất ma túy khác là những chất ma túy không được nêu trong BLHS nhưng nằm trong các danh mục được quy định tại Nghị định 67/NĐ-CP ngày 01/10/2001 của Chính phủ.

Theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 24/12/2007 hướng dẫn thì: *“Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần, được quy định các danh mục do Chính phủ ban hành”*. [2].

Ngoài ra, các chất ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ Việt Nam ban hành tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP, gồm có 235 chất ma túy chia thành 3 danh mục và 41 tiền chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất chất ma túy [7].

Từ những phân tích trên cho thấy hiện nay có rất nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm chất ma túy. Có thể định nghĩa chất ma túy như sau: *“Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần nằm trong danh mục chất ma túy do Chính phủ ban hành; có nguồn gốc ở dạng tự nhiên hoặc dạng tổng hợp, khi đưa vào cơ thể sống có thể gây trạng thái ngây ngất, kích thích, ức chế thần kinh, làm thay đổi sinh lý, trạng thái ý thức của con người và dễ gây nghiện đối với người sử dụng”*.

Pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay chưa có khái niệm thống nhất về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Một trong những định nghĩa về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy khái quát của Thạc sĩ Đinh Văn Quế là: *“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là hành vi cất giữ, chuyển dịch, bán hay mua để bán lại, cướp, bắt cóc nhằm chiếm đoạt, cưỡng đoạt, cướp giật, công nhiên chiếm đoạt, trộm cắp, tham ô, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chất ma túy”* [23, tr 78].

Qua khái niệm “Tội phạm” quy định tại Điều 8 BLHS năm 1999 và các quy định của pháp luật hình sự có liên quan, có thể đưa ra khái niệm: *“Các tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm chế độ quản lý các*

chất ma túy của Nhà nước và bị xử lý bằng hình phạt”. Có thể hiểu ngắn gọn, các tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội cố ý xâm phạm chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước được quy định trong BLHS Việt Nam.

Từ khái niệm “Tội phạm” quy định tại Điều 8 BLHS 1999, khái niệm “Các tội phạm về ma túy” và các định nghĩa về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tôi xin đưa ra khái niệm: *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội gồm 4 nhóm hành vi: hành vi tàng trữ chất ma túy, hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, hành vi mua bán trái phép chất ma túy và hành vi chiếm đoạt chất ma túy; những hành vi này được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước và phải chịu áp dụng hình phạt.*

1.1.1.2. Các yếu tố cấu thành tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Để nhận thức sâu sắc hơn bản chất pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, cần đi sâu nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của CTTTP tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được phân thành 04 yếu tố: Khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm.

a) Khách thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự. [4; tr 137]

Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999 có khách thể trực tiếp là chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước về các chất ma túy.

Điều 15 Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy bao gồm: “*Nghiên cứu, sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, bảo quản, phân phối, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh qua lãnh*

thở Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần”. Tất cả các hoạt động này phải được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Chỉ những cá nhân, cơ quan có thẩm quyền mới được phép thực hiện các hoạt động hợp pháp liên quan đến chất ma túy nhưng phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục theo luật định. Ngoài những chủ thể được Nhà nước cho phép thì mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy đều vi phạm pháp luật vì các hành vi này đã xâm hại đến chế độ kiểm soát, quản lý chất ma túy của Nhà nước.

Đối tượng tác động của tội phạm này là các chất ma túy và các nguyên liệu thực vật có chứa chất ma túy. [44; tr18]

Các chất ma túy được liệt kê trong bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4 danh mục các chất ma túy, chất hướng thần, theo quy định của Công ước quốc tế 1961; 1971; 1988. Công ước này Việt Nam đã tham gia theo quyết định số 798-QĐ/CTN ngày 1-9-1997 của Chủ tịch nước cộng hòa xã hội Việt Nam và được liệt kê trong các danh mục do Chính phủ Việt Nam ban hành tại Nghị định số 82/2013/NĐ-CP. Ở nước ta, các chất ma túy thường gặp là thuốc phiện, Hêrôin, Mooc phin, cần sa và một số loại ma túy ở dạng thuốc tân dược như: Suzusen, Dolagăng, Methamphetamin....

b) Mặt khách quan của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Mặt khách quan là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài bao gồm: hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các dấu hiệu biểu hiện sự thực hiện hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi như: công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội.[4; tr 145]

Đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì dấu hiệu hậu quả, công cụ, phương tiện phạm tội,..không phải là dấu hiệu bắt buộc mà chỉ cần dấu hiệu hành vi là đủ.

Các loại hành vi khách quan của tội phạm này là

- Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy;
- Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy;
- Hành vi mua bán trái phép chất ma túy;
- Hành vi chiếm đoạt chất ma túy.

Đây là tội có cấu thành tội phạm hình thức. Tội phạm được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội đã thực hiện một trong bốn hành vi khách quan.

** Tàng trữ trái phép chất ma túy*

Tiểu mục 3.1 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCAVKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người hoặc theo người...) mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Thời gian tàng trữ dài hay ngắn không ảnh hưởng đến việc xác định tội này [2].

Hành vi tàng trữ chất ma túy bị coi là tội phạm khi hành vi đó được thực hiện hoàn toàn không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý chất ma túy, chất gây nghiện. Hành vi tàng trữ chất ma túy không kể đến việc người phạm tội có phải là chủ sở hữu của chất ma túy đó hay không.

Trường hợp người phạm tội cất giấu ma túy trên phương tiện giao thông nhưng lại không có mục đích vận chuyển từ nơi này đến nơi khác, mặc dù trên thực tế phương tiện giao thông đó di chuyển từ nơi này đến nơi khác thì người phạm tội chỉ bị truy cứu TNHS về tội tàng trữ trái phép chất ma túy mà không bị truy cứu TNHS về tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Trường hợp cất giữ ma túy cho người khác mà biết rõ người này mua bán trái phép chất ma túy thì đó là hành vi giúp sức cho người mua bán trái phép chất ma túy và phải bị truy cứu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

** Vận chuyển trái phép chất ma túy*

Tiểu mục 3.2, Mục 3 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCAVKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” là

hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào (có thể bằng các phương tiện khác nhau như ô tô, tàu bay, tàu thủy...; trên các tuyến đường khác nhau như đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, đường bưu điện...; có thể để trong người như cho vào túi áo, túi quần, nuốt vào trong bụng, để trong hành lý như vali, túi xách v.v...) mà không nhằm mục đích mua bán, tàng trữ hay sản xuất trái phép chất ma túy khác [2].

Người nào giữ hộ, hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy cho người khác mà biết rõ mục đích mua bán trái phép chất ma túy của người đó, thì bị truy cứu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy với vai trò đồng phạm.

** Mua bán trái phép chất ma túy*

Tiêu mục 3.3, Mục 3 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCAVKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là một trong các hành vi sau đây:

- Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác;

- Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có);

- Dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác;

- Tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

- Vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

Nếu không chứng minh được mục đích vận chuyển là để bán cho người khác thì chỉ có thể định tội danh là vận chuyển trái phép chất ma túy. Việc chứng minh mục đích mua bán chất ma túy của người phạm tội là trách nhiệm của các cơ quan và người tiến hành tố tụng.

Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy nêu trên đều bị truy cứu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy.

** Chiếm đoạt chất ma túy*

Tiêu mục 3.4 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCAVKSNDTC-TANDTC-BTP quy định: “*Chiếm đoạt chất ma túy*” là một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, tham ô, lạm dụng tín nhiệm, cưỡng đoạt, cướp, cướp giật, công nhiên chiếm đoạt chất ma túy của người khác. [2].

Trường hợp người có hành vi chiếm đoạt chất ma túy nhằm mục đích bán lại chất ma túy đó cho người khác, thì bị truy cứu TNHS với tội danh đầy đủ đối với hành vi đã thực hiện theo Điều 194 BLHS và chỉ phải chịu một hình phạt.

Hành vi chiếm đoạt chất ma túy là hành vi chuyển chất ma túy của người khác thành của mình bằng bất kì thủ đoạn nào. Các thủ đoạn chiếm đoạt có thể gồm: Dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực; công khai chiếm đoạt; lén lút để chiếm đoạt; lừa dối để chiếm đoạt... Thủ đoạn không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Các thủ đoạn chiếm đoạt nói chung giống các hình thức chiếm đoạt tài sản được BLHS quy định, người phạm tội phải có ý thức chiếm đoạt ma túy ngay trước, trong khi thực hiện hành vi khách quan của tội phạm. Chất ma túy bị chiếm đoạt có thể thuộc quyền quản lý của Nhà nước hoặc đang do cá nhân khác chiếm giữ.

Thực tiễn thường gặp một số trường hợp sau:

- Người phạm tội chiếm đoạt và biết hoặc chấp nhận đối tượng chiếm đoạt là chất ma túy thì sẽ định tội “Tội chiếm đoạt chất ma túy”.

- Nếu người phạm tội không có ý thức chiếm đoạt chất ma túy hoặc không chứng minh được ý thức chiếm đoạt chất ma túy mà chỉ nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi chiếm đoạt tài sản mới biết đó là chất ma túy. Khi biết được tài sản đó là chất ma túy mà người phạm tội vẫn cất giữ, vận chuyển hoặc mua bán thì không bị coi là hành vi chiếm đoạt chất ma túy, mà tùy trường hợp cụ thể người phạm tội bị TNHS về một trong các tội trong Chương IVX “Các tội xâm phạm sở hữu” BLHS năm 1999 và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy.

- Nếu ngay sau khi chiếm đoạt tài sản, người phạm tội mới biết tài sản là chất ma túy và giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không bị coi là hành vi chiếm đoạt chất ma túy mà chỉ bị coi là hành vi chiếm đoạt tài sản. Nếu người phạm tội có ý thức chiếm đoạt chất ma túy nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội lại không chiếm đoạt được chất ma túy mà chỉ là tài sản khác thì sẽ vẫn bị truy cứu TNHS về tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy. Nếu người phạm tội không có ý thức rõ ràng về việc chiếm đoạt, tức là tài sản chiếm đoạt là gì cũng được thì khi chiếm đoạt được là chất ma túy thì cũng sẽ bị truy cứu TNHS về tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Ngoài những hành vi trên thì theo quy định tại mục 3.6 và 3.7 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 còn quy định :

“3.6. Người nào tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với số lượng sau đây không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác thì áp dụng khoản 4 Điều 8 BLHS, theo đó không truy cứu TNHS nhưng phải bị xử lý hành chính:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng dưới một gam;*
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng dưới không phải một gam;*
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng dưới một kilôgam;*
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng dưới năm kilôgam;*
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng dưới một kilôgam;*
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng dưới một gam;*
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ mười mililít trở xuống.*

3.7. Khi truy cứu TNHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cần phân biệt:

a) Người nào đã bị kết án về tội tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt một trong các chất ma túy có số lượng được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.6 trên đây, nếu không thuộc trường hợp tái phạm

nguy hiểm thì bị truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Nếu là tái phạm nguy hiểm thì bị truy cứu TNHS theo khoản 2 Điều 194 của BLHS.

b) Người nào bán trái phép chất ma túy cho người khác và còn cho họ sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình để sử dụng trái phép chất ma túy thì ngoài việc bị truy cứu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy theo Điều 194 BLHS, người đó còn bị truy cứu TNHS về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 198 BLHS;

c) Người nào biết người khác đi mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà gửi tiền nhờ mua hộ chất ma túy để sử dụng thì người nhờ mua hộ phải chịu TNHS về số lượng chất ma túy đã nhờ mua hộ. Người đi mua phải chịu TNHS về tổng số lượng chất ma túy đã mua cho bản thân và mua hộ;

d) Người nào biết người khác mua chất ma túy để sử dụng trái phép mà dùng phương tiện để chở họ cùng chất ma túy và bị bắt giữ nếu số lượng chất ma túy đến mức phải chịu TNHS về tội tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy thì người đó là đồng phạm với người mua về tội tàng trữ hoặc vận chuyển trái phép chất ma túy quy định tại Điều 194 BLHS. [2]

Đối với một số trường hợp đặc biệt khác thì trường hợp một người biết là ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi...thì người đó không bị truy cứu TNHS về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu TNHS về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 BLHS năm 1999 nếu thoả mãn các dấu hiệu khác nữa trong CTTP của tội này. Trường hợp khác, sau khi giám định không phải là chất ma túy nhưng người thực hiện hành vi mua bán ý thức rằng đó là chất ma túy thì vẫn bị truy cứu TNHS theo Điều 194 của BLHS năm 1999.

c) Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là người đã thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong luật hình sự.

Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cũng phải đảm bảo các yếu tố (điều kiện) cần và đủ như: độ tuổi chịu TNHS và có năng lực TNHS quy định tại các Điều 12, 13 BLHS năm 1999. Cụ thể như sau:

* *Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự:* Theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”

Do vậy, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu TNHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS, vì khoản 1 Điều 194 BLHS là tội phạm nghiêm trọng. Chỉ người đủ 16 tuổi trở lên mới bị truy cứu TNHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Tuy nhiên, nếu người từ đủ 16 tuổi trở lên sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội thì người dưới 16 tuổi vẫn không bị truy cứu TNHS mà người sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội còn bị truy cứu TNHS về tình tiết *“Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội”*.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu TNHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều 194 BLHS, vì các trường hợp phạm tội này là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Tuy nhiên, khi truy cứu TNHS đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên cần phải lưu ý đến vấn đề người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi *“Phạm tội nhiều lần”* theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 BLHS vì theo hướng dẫn tại mục 10 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS quy định: *“Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ hai lần trở lên, nếu tổng trọng lượng chất ma túy của các lần cộng lại dưới mức tối thiểu hoặc không xác định được tổng trọng lượng chất ma túy của tất cả các lần đó đến mức tối thiểu quy định tại điểm g, h, i, k, l, m, n hoặc o khoản 2 Điều 194 BLHS thì họ không phải chịu TNHS về tội mua bán trái phép chất ma túy”*. Như vậy, không phải cứ người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi *“Phạm tội nhiều lần”* theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 BLHS cũng đều bị truy cứu TNHS.

* *Về năng lực trách nhiệm hình sự*: Năng lực TNHS là năng lực của con người nhưng không phải là năng lực bẩm sinh. Năng lực TNHS là năng lực của tự ý thức được hình thành trong quá trình phát triển của cá thể về mặt tự nhiên và xã hội.

Người có năng lực TNHS là người đã đạt độ tuổi chịu TNHS. Năng lực này có thể sẽ không có hoặc bị mất đi do mắc bệnh nhất định liên quan đến hoạt động tâm thần. Người không có năng lực TNHS do mắc bệnh như vậy được luật hình sự coi là người trong tình trạng không có năng lực TNHS. Khoản 1 Điều 13 BLHS quy định về tình trạng không có năng lực TNHS: *“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu TNHS; đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh”*.

Như vậy, Chủ thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là bất kỳ người nào có năng lực TNHS và từ đủ 16 tuổi trở lên phạm vào khoản 1 Điều 194 BLHS hoặc từ đủ 14 tuổi trở lên phạm vào các khoản 2, khoản 3 Điều 194 BLHS (Trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 BLHS phải theo hướng dẫn tại mục 10 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP).

d) Mặt chủ quan của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Tội phạm là thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan. Mặt khách quan là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm, mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội.

Trong mặt chủ quan của tội phạm, lỗi là yếu tố quan trọng nhất trong việc xác định tội phạm và TNHS. Lỗi của người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, tức là nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, tuy thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy gây ra cho xã hội, có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn xử sự khác, phù hợp với đòi hỏi của xã hội nhưng họ vẫn thực hiện và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra. Như vậy, đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma

túy chỉ có thể được thực hiện do cố ý trực tiếp không có trường hợp nào do cố ý gián tiếp. Tuy nhiên, đối với hành vi chiếm đoạt chất ma túy thì người phạm tội có thể thực hiện hành vi của mình do cố ý gián tiếp trong trường hợp người phạm tội không cần xác định đối tượng ma túy cũng chiếm đoạt mà tài sản khác cũng chiếm đoạt (bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, ma túy cũng lấy mà tài sản khác cũng lấy).

Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi... thì người đó không bị truy cứu TNHS về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu TNHS về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 BLHS, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong CTP của tội này.

1.1.2. Phân biệt tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với các tội phạm khác

Theo quy định của BLHS hiện hành thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại Điều 194 và được xếp vào chương XVIII (chương các tội phạm về ma túy). So với các tội danh được quy định tại các chương khác của BLHS 1999 thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có sự khác biệt về mặt khách thể, đối tượng tác động của tội phạm và trong nhiều trường hợp là cả mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Khách thể của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là chế độ thống nhất quản lý các chất ma túy của Nhà nước và đối tượng tác động của tội này là các chất ma túy. Trong khi đó các tội danh khác không nằm trong chương các tội phạm về ma túy mà lại có khách thể hoàn toàn khác, đó có thể là quan hệ nhân thân, quan hệ sở hữu, tính mạng, sức khỏe người khác...các tội này cũng có đối tượng tác động khác, đó có thể là những tài sản, phương tiện hoặc thân thể con người...Trong một số trường hợp thì sự khác nhau giữa tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội khác còn có sự khác nhau về mặt chủ quan (các tội về lỗi vô ý như tội vô ý làm chết người, tội vô ý gây thương tích...) khác nhau về mặt hành vi khách quan (như tội hiếp dâm, cưỡng dâm....

Mặt khác thì tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cũng có những điểm khác so với những tội danh về ma túy khác được quy định trong cùng chương XVIII (Các tội phạm về ma túy). Đó có thể sự khác nhau về mặt hành vi khách quan (như tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy...) hay đó có thể là sự khác về đối tượng tác động (như tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), hay có đối tượng tác động là các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (như tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy). Chính những sự khác nhau như trên cho nên khi quy định các tội danh trong BLHS, nhà làm luật đã sắp xếp các tội danh nằm ở những chương khác nhau theo tiêu chí khách thể xâm phạm của tội phạm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức pháp luật, thực hiện pháp luật và ADPL một cách chính xác, phù hợp và đạt hiệu quả cao.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.1.1. Giai đoạn từ thời kỳ phong kiến Việt Nam đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 2015

Từ giữa thế kỷ XVII, dưới triều vua Minh Mạng, một số đạo luật đầu tiên về cấm trồng, hút và buôn lậu thuốc phiện đã được ban hành. Vào đầu thế kỉ XIX, chính quyền phong kiến cấm gắt gao việc sử dụng, mua bán thuốc phiện.

Năm 1858, Pháp đánh chiếm Đà Nẵng. Trong thời kì Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nhà cầm quyền Pháp thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề vơ vét tài nguyên của cải ở Đông Dương đã công khai phát triển trồng cây thuốc phiện, thành lập các cửa hàng bán thuốc phiện tự do dưới sự quản lý của Công quản nha phiến.

1.2.1.2. Giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược, vào cai trị nước ta. Thực hiện chính sách ngu dân và vơ vét tài nguyên, chúng ta đã công khai phát triển trồng cây thuốc phiện, thực hiện chính sách “công quản nha phiện”, thành lập các cửa hàng bán thuốc phiện tự do. Vì vậy, tội phạm về ma túy trong thời kỳ này phát triển rất mạnh. Đến khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, ngày 3/9/1945, trong phiên họp Chính phủ bàn về “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” gồm có sáu nhiệm vụ cấp bách trong đó nhiệm vụ thứ năm Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò và “tuyệt đối cấm hút thuốc phiện”.

Tiếp sau đó, ngày 05/3/1952 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 150/TTg quy định việc xử lý đối với những hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện. Điều 1, 2, 3, 4 của Nghị định quy định khoanh vùng trồng cây thuốc phiện. Người trồng cây thuốc phiện có nghĩa vụ nộp thuế bằng hiện vật là một phần ba số nhựa thuốc phiện, phần còn lại phải bán toàn bộ cho mậu dịch quốc doanh. Điều 5 Nghị định quy định: “*Ngoài cơ quan chuyên trách, không ai được tàng trữ và vận chuyển nhựa thuốc phiện hay thuốc phiện đã nấu rồi*”.

Trên cơ sở Nghị định 150/TTg, Thủ tướng Chính phủ ban hành tiếp Nghị định 225/TTg ngày 22/12/1952 quy định những người có hành vi vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện của Nhà nước sẽ bị xử phạt hoặc bị truy tố trước Tòa án nhân dân.

Hai Nghị định nói trên chỉ đề cập xử lý hành vi “Tàng trữ và vận chuyển trái phép”, không đề cập xử lý hành vi “sản xuất hoặc buôn bán trái phép”. Chính vì vậy, ngày 15/9/1955, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 580/TTg bổ khuyết Nghị định 150/TTg ngày 05/3/1952 quy định những trường hợp có thể bị đưa ra Tòa án nhân dân xét xử với mức phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm, bị tịch thu tang vật, bị phạt tiền từ một đến năm lần giá trị thuốc phiện buôn lậu.

Bộ Tư pháp còn ban hành Thông tư số 635/VVH-HS ngày 29/3/1958 quy định về đường lối truy tố đối với việc đặt cọc tiền mua thuốc phiện lậu và Thông

tư số 33/VHH-HS ngày 5/7/1958 hướng dẫn đường lối truy tố và xét xử những vụ án về buôn lậu thuốc phiện.

Sau khi miền Nam giải phóng, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/CP ngày 25/3/1977 về chống buôn lậu thuốc phiện. Trên cơ sở nghị định này, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ đã ra Thông tư liên ngành hướng dẫn ADPL trong cả nước. Đến những năm 1980, tình hình tái trồng cây thuốc phiện, buôn bán thuốc phiện và tiêm chích ma túy có chiều hướng ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Vì vậy, ngày 30/6/1982 Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm giả, kinh doanh trái phép quy định mức hình phạt cao nhất là tử hình và phạt tiền đến 10 lần giá trị hàng phạm pháp hoặc thu lợi bất chính. Hành vi buôn bán ma túy được coi là hành vi buôn lậu.

Trước tình hình tội phạm về ma túy ngày có xu hướng diễn biến phức tạp, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có thái độ kiên quyết hơn trong đấu tranh phòng, chống ma túy, trước hết thể hiện trong BLHS năm 1985.

1.2.1.3. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Ngày 27/6/1985, tại kỳ họp thứ 9, khóa VII, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua BLHS năm 1985. BLHS năm 1985 chỉ có một điều luật duy nhất quy định trực tiếp về ma túy đó là Điều 203 về “Tội tổ chức dùng chất ma túy”, còn hành vi mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới thì bị truy cứu TNHS theo Điều 97 BLHS: “Tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” và nếu mua bán, vận chuyển trái phép ma túy trong nội địa thì bị truy cứu TNHS theo Điều 166 BLHS “Tội buôn bán hoặc tàng trữ hàng cấm”.

Do không đánh giá đúng tính chất đặc biệt nguy hiểm của hành vi buôn bán, tàng trữ thuốc phiện và các chất ma túy khác và chỉ quy định mức hình phạt cao nhất đối với tội này là 20 năm tù. Mặt khác, cùng một hành vi phạm tội mua bán, vận chuyển ma túy, chỉ khác nhau ở địa điểm thực hiện hành vi phạm tội lại bị truy cứu TNHS theo 2 tội khác nhau là thiếu chặt chẽ trong khoa học luật hình sự. Do đó, một đòi hỏi khách quan là cần thiết phải sửa đổi BLHS năm 1985.

Ngày 28/12-1989 tại kỳ họp thứ 6, khóa VIII, Quốc hội đã thông qua luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985, trong đó quy định Điều 96a - Tội sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, đặt trong Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia, với 03 khung hình phạt rất nghiêm khắc, loại hình phạt cao nhất có thể bị áp dụng là tử hình; Điều 203 “Tội tổ chức dùng chất ma túy” có mức hình phạt cao nhất đến mười năm tù. Ngoài các hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy thì lần sửa đổi BLHS này còn quy định thêm một hành vi phạm tội nữa là hành vi sản xuất trái phép các chất ma túy. Đồng thời BLHS sửa đổi còn quy định rõ hành vi đó phải “Trái với quy định của Nhà nước” mới bị coi là tội phạm. Việc gộp phạm vi điều chỉnh vào hai điều luật như vậy là chưa đáp ứng được yêu cầu về đấu tranh phòng, chống loại tội phạm nguy hiểm này.

Vì vậy, ngày 10/5/1997 tại kỳ họp thứ 11, khóa IX, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985. Lần sửa đổi này, các tội phạm về ma túy đã được quy định bổ sung thành một chương riêng là Chương VII “Các tội phạm về ma túy” trong “Phần các tội phạm” của BLHS gồm 14 điều từ Điều 185a đến Điều 185o quy định 13 tội danh [25].

Ngoài việc tách các hành vi phạm tội thành các tội độc lập thì chất ma túy được đề cập đến trong điều luật không chỉ đơn thuần là thuốc phiện mà còn phong phú hơn nữa đó là: “Cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy” đã phần nào đáp ứng được yêu cầu thực tiễn khi các chất ma túy đang phát triển đa dạng ở nước ta. Đặc biệt là đã định lượng hóa các chất ma túy làm căn cứ để truy cứu TNHS với những mức hình phạt nghiêm khắc hơn, số lượng ma túy không còn quy định mang tính chất định tính nữa mà quy định cụ thể khối lượng các chất ma túy tương ứng với 4 khung hình phạt (Điều 96a chỉ có 3 khung hình phạt); cùng với việc bỏ tình tiết định khung có tính chất chuyên nghiệp là bổ sung thêm những tình tiết định khung mới như “phạm tội nhiều lần”, tình tiết định khung quy định sẽ phải chịu hình phạt quy định tại khung hình phạt đó nếu có nhiều tình tiết quy định tại khoản trước đó; bỏ hình phạt bổ sung quản chế hoặc cấm cư trú đối với người phạm các tội này.

Để áp dụng thống nhất các quy định của BLHS về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy, trong thời gian từ năm 1990 đến năm 1998 đã có 9 thông tư liên ngành, thông tư liên tịch được ban hành có chứa nội dung hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS về tội phạm ma túy như Thông tư liên tịch số 01/1998/TTLT/BNV-VKSNDTC-TANDTC ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 và Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA ngày 05/8/1998 đã có hướng dẫn cụ thể nhất về các hành vi liên quan đến tội phạm này.

Có thể nhận thấy, Luật sửa đổi, bổ sung BLHS Năm 1985 lần thứ 4 đã thể hiện sự hoàn thiện trong kỹ thuật lập pháp hình sự, quy định tội phạm về ma túy thành một chương riêng, thể hiện chính sách hình sự mới của Nhà nước ta là xử lý nghiêm khắc tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số vấn đề vẫn chưa hợp lý cần phải tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn áp dụng.

1.2.2. Quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1.2.2.1. Quy định về tội phạm

Để đáp ứng yêu cầu khách quan của xã hội, đồng thời kế thừa, phát huy những kinh nghiệm trong quá trình áp dụng BLHS năm 1985. Ngày 21/12/1999, Quốc hội nước đã thông qua BLHS mới: BLHS năm 1999. Bộ luật quy định các tội phạm về ma túy gồm 10 Điều, từ Điều 192 đến Điều 201 tại Chương XVIII.

Trong Bộ luật này, các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy được quy định chung trong Điều 194 với tên gọi "Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy". Đây là điều luật được nhập từ 04 điều luật của BLHS năm 1985. Lý do ghép 04 hành vi thành 04 tội là vì các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy thường gắn liền với nhau. Trong mua bán có hoạt động tàng trữ, vận chuyển; trước khi tàng trữ thường là hành vi mua bán và tàng trữ ma túy có mục đích là

để bán, vận chuyển là để mua bán, tàng trữ. Vì vậy, trong nhiều vụ án khó bóc tách được vụ án nào là tàng trữ, vụ án nào là mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy. So với các quy định trước đây thì quy định tại Điều 194 BLHS năm 1999 đã thể hiện sự hơn hẳn về kỹ thuật lập pháp và sự toàn diện trong quy định tội danh.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ, trường hợp thứ nhất là người nào tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với số lượng sau đây không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác thì áp dụng khoản 4 Điều 8 BLHS, theo đó không truy cứu TNHS nhưng phải bị xử lý hành chính:

- a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng dưới một gam;
- b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng dưới không phải một gam;
- c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng dưới một kilôgam;
- d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng dưới năm kilôgam;
- đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng dưới một kilôgam;
- e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng dưới một gam;
- g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ mười mililit trở xuống.

Trường hợp thứ hai là chất gây nghiện, chất hướng thần là chất ma túy; còn thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là để chữa bệnh (chỉ chứa một hàm lượng nhất định chất ma túy) và được quản lý theo quy chế quản lý dược phẩm của Bộ Y tế. Người nào không thuộc đối tượng quy định tại Điều 201 BLHS mà vi phạm trong việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần nhằm mục đích kinh doanh thuốc chữa bệnh hoặc để chữa bệnh thì bị xử lý hành chính hoặc thì bị truy cứu TNHS về một tội phạm tương ứng khác không phải là tội phạm về ma túy (ví dụ: tội kinh doanh trái phép, tội buôn lậu...). Trường hợp sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần trái phép nhằm thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy cho mình hoặc cho người khác thì bị xử lý về tội phạm về ma túy tương ứng (nếu thỏa mãn điều kiện về trọng lượng chất ma túy theo quy định của pháp luật).

Ngoài ra trong kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa X đã thông qua Luật Phòng, chống ma túy, có hiệu lực từ ngày 01/6/2001. Đây là đạo luật đầu tiên về phòng

chống ma túy, tạo cơ sở pháp lý có hiệu quả hơn để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với tệ nạn ma túy.

Ngày 14/11/2015 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Điều 194 nói riêng và Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" nói chung của BLHS năm 1999. Đây là văn bản hướng dẫn một cách chi tiết và toàn diện các quy định về tội phạm ma túy góp phần tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án ma túy cũng như tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

1.2.2.2. Quy định về hình phạt

Theo quy định tại Điều 26 BLHS năm 1999: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội”*. Hình phạt của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định tại Điều 194 BLHS, cụ thể như sau:

** Về hình phạt chính*

Hình phạt chính đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được ghi nhận trong Điều 194 BLHS năm 1999 với 4 khung hình phạt, bao gồm khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 194 và 3 khung hình phạt tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 194. Hình phạt chính của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được BLHS hiện hành quy định rất nghiêm khắc, mức thấp nhất của khung hình phạt là 02 năm tù, mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân hoặc tử hình. Điều đó thể hiện qua điểm, chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước thể hiện sự đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm này đối với xã hội.

Theo quy định của BLHS hiện hành thì người phạm tội thuộc khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 194 thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Nếu người phạm tội thuộc khung hình phạt tăng nặng được quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 194 BLHS thì phải chịu mức hình phạt cao hơn mức hình phạt quy định tại khung hình phạt cơ bản của tội này, cụ thể:

- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm.

- Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 194 thì người phạm tội có thể bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

a) Khung cơ bản (Khoản 1 Điều 194 BLHS) đối với trường hợp phạm tội không có các tình tiết là yếu tố định khung

Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 là cấu thành cơ bản của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có mức phạt tù từ 2 năm đến 7 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội bình thường, không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194 (phạm tội không có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ định khung).

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999, tòa án phải căn cứ vào các quy định về quyết định hình phạt tại Chương VII của BLHS (từ Điều 45- Điều 54).

Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS năm 1999 thì Tòa án có thể áp dụng dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt; Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới 2 năm tù nhưng không được dưới 3 tháng tù.

b) Các dấu hiệu CTTP tăng nặng tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS.

Khung tăng nặng thứ nhất có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

a. Có tổ chức;

Theo khoản 3 Điều 20 BLHS năm 1999: “*Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ với những người cùng thực hiện tội phạm*”.

Như vậy, có thể hiểu tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có tổ chức là trường hợp đồng phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy mà các chủ thể có sự cấu kết chặt chẽ với nhau.

Trong phạm tội có tổ chức thường có các dạng người như người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

- Người tổ chức: là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy như khởi xướng ra việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, vạch chủ trương, kế hoạch thực hiện tội phạm, kế hoạch che dấu tội phạm, tập hợp, rủ rê, lôi kéo người khác cùng thực hiện tội phạm, phân công trách nhiệm và điều khiển hoạt động của những người đồng phạm khác để đạt được mục đích chung.

- Người thực hành: là người trực tiếp thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

- Người xúi giục: là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Nếu xúi giục trẻ em phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 và trẻ em dưới 14 tuổi phạm tội thuộc khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194 BLHS thì người xúi giục sẽ trở thành người thực hành còn trẻ em là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Người giúp sức: Tạo điều kiện về tinh thần và vật chất cho việc mua bán trái phép chất ma túy, cung cấp tiền, công cụ, phương tiện, tìm địa điểm... cho việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy; hứa hẹn che dấu tội phạm, tiêu thụ tài sản do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy có thể có tất cả những người đồng phạm là người thực hành, nhưng cũng có thể có đồng phạm phân công vai trò. Trong trường hợp đồng phạm có tổ chức, người thực hành thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt các chất ma túy đến đâu thì đồng bọn phải chịu đến giai đoạn đó và áp dụng tình tiết có tổ chức với tất cả những người đồng phạm.

Phạm tội có tổ chức thường gây ra thiệt hại lớn hơn so với phạm tội thông thường, vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với những người phạm tội có tổ chức.

b. Phạm tội nhiều lần;

Tiêu mục 2.3 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP có giải thích cụ thể: “Phạm tội nhiều lần là phạm từ hai tội trở lên mà những tội ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của điều luật) tương ứng trong phân riêng BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu TNHS và người phạm tội vẫn chưa bị xét xử”. Tình tiết phạm tội nhiều lần đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần vận chuyển trái phép chất ma túy trở lên, hai lần mua bán trái phép chất ma túy trở lên...) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố CTPP quy định tại khoản 1 Điều 194, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

Không coi là phạm tội nhiều lần trong các trường hợp:

- Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy nhưng trong đó có một lần chưa tới mức truy cứu TNHS.

- Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy trong đó có một lần bị kết án được miễn TNHS hoặc miễn hình phạt.

- Người phạm tội có hai lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng mỗi lần thực hiện một hành vi khác nhau (ví dụ: một lần vận chuyển trái phép chất ma túy, một lần mua bán trái phép chất ma túy).

- Có hai lần tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt các chất ma túy nhưng một lần bị xử phạt hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

c. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

Điểm 2.1 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP đã hướng dẫn tình tiết “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn*” được hiểu là người phạm tội đã dựa vào chức vụ, quyền hạn mà mình được đảm nhiệm để thực

hiện hành vi phạm tội. Chủ thể của tội phạm là người phải có chức vụ, quyền hạn và hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có liên quan trực tiếp đến chức vụ quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ quyền hạn đó thì khó có thể thực hiện hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đó. Chức vụ, quyền hạn của người phạm tội là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hành vi phạm tội.

d. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

Tiêu mục 2.2 mục 2 phần I Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn tình tiết “*lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức*” được hiểu là người phạm tội đã lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức nơi họ làm việc hoặc công tác để thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức để tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là trường hợp người phạm tội thông qua cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên để tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

đ. Vận chuyển, mua bán qua biên giới;

Mua bán ma túy qua biên giới là hành vi mua, bán, trao đổi, thanh toán chất ma túy trái phép qua biên giới nước này và nước khác. Vận chuyển ma túy qua biên giới là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy bằng cách sử dụng bất kì phương tiện, cách thức, thủ đoạn nào để đưa ma túy qua biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng Việt Nam, biên giới của một nước khác với nước thứ ba không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất. Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội đã vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy qua biên giới. Nếu người phạm tội có mục đích đưa chất ma túy qua biên giới nhưng vì lý do nào đó mà người phạm tội chưa đưa được ma túy qua biên giới thì không coi là vận chuyển, mua bán ma túy qua biên giới.

e. Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội hay bán ma túy cho trẻ em;

Điểm e khoản 2 Điều 194 BLHS quy định 2 tình tiết đó là:

- Sử dụng trẻ em vào việc phạm tội là trường hợp người phạm tội đã dụ dỗ, mua chuộc, hăm dọa, khống chế, lôi kéo hoặc dùng bất kì thủ đoạn nào để người

dưới 16 tuổi thực hiện một hoặc nhiều hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

- Bán ma túy cho trẻ em là dùng ma túy mà mình có được bằng bất kì hình thức nào để bán cho người dưới 16 tuổi để lấy tiền, tài sản hoặc bất kì lợi ích nào khác.

p) Tái phạm nguy hiểm;

Theo quy định tại khoản 2, Điều 49 BLHS năm 1999 thì tình tiết “*tái phạm nguy hiểm*” trong điều luật này được hiểu là các trường hợp người đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194 BLHS; hoặc đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 194 BLHS

Khung tăng nặng thứ hai có mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ một kilôgam đến dưới năm kilôgam;

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba mươi gam đến dưới một trăm gam;

c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ hai mươi lăm kilôgam đến dưới bảy mươi lăm kilôgam;

d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ hai trăm kilôgam đến dưới sáu trăm kilôgam;

đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ năm mươi kilôgam đến dưới một trăm năm mươi kilôgam;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ hai trăm năm mươi mililit đến dưới bảy trăm năm mươi mililit;

h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 3 Điều này.

Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 194 BLHS

Khung tăng nặng thứ ba có mức phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình, áp dụng cho những trường hợp phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có một trong những tình tiết tăng nặng sau:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ năm kilôgam trở lên;

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên;

c) Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây côca có trọng lượng từ bảy mươi lăm kilôgam trở lên;

d) Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên;

đ) Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một trăm năm mươi kilôgam trở lên;

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên;

g) Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililit trở lên;

h) Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này.

Về hình phạt bổ sung

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Trên thực tế, những người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy hầu hết đều thu được một khoản lợi nhuận rất lớn. Việc quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản là phù hợp.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở nghiên cứu các Công ước Quốc tế liên quan đến ma túy, Luật phòng chống ma túy, khái niệm chung về tội phạm trong BLHS năm 1999 và Điều 194 BLHS năm 1999, kết hợp với việc tham khảo một số khái niệm, định nghĩa của một số nhà khoa học, tác giả đã đưa ra được các khái niệm: “Chất ma túy”, “Tội phạm về ma túy” và “Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy”. Đồng thời với việc đưa các khái niệm, tác giả đã phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Ngoài ra, tác giả đã khái quát lịch sử lập pháp đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, để từ đó có cách nhìn toàn diện về chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội này. Việc nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản, chung nhất của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là cơ sở, là tiền đề để chúng ta chúng ta tiến đến nghiên cứu hoạt động định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La (từ năm 2011 đến năm 2015) và hoạt động quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La (từ năm 2011-2015).

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ TỪ THỰC TIỄN TỈNH SƠN LA

2.1. Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.1.1. Cách tiếp cận để nhận diện định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.1.1.1. Định tội danh và các đặc điểm của định tội danh

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự (QPPLHS) diễn ra phức tạp và đa dạng được thể hiện ở 3 giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Trong đó, định tội danh là một giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên của toàn bộ quá trình ADPL hình sự. Bởi vì định tội danh được tiến hành thực hiện ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn thi hành án.

Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về định tội danh.

GS. TSKH. Lê Văn Cẩm quan niệm định tội danh là quá trình ADPL hình sự và pháp luật tố tụng hình sự: *“Dưới góc độ khoa học, định tội danh có thể được hiểu là quá trình nhận thức lý luận có tính logic, là dạng của hoạt động thực tiễn ADPL hình sự cũng như pháp luật tố tụng hình sự và được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ tài liệu thu thập được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tương ứng do luật hình sự quy định nhằm đạt được sự thật khách quan, tức là đưa ra sự đánh giá chính xác tội phạm về mặt pháp lý hình sự, làm tiền đề cho việc cá thể hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật”* [6].

Theo GS. TS. Võ Khánh Vinh thì định tội danh chỉ là hoạt động ADPL hình sự: *“Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động ADPL hình sự*

nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định”.

PGS.TS. Lê Văn Đệ quan niệm tương tự: “*Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP được pháp luật hình sự quy định*” [12].

Như vậy, mặc dù được diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, nhưng về cơ bản cho thấy Định tội danh là sự xác định sự phù hợp của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu của một CTTP tương ứng đã được quy định trong BLHS và có 4 đặc điểm như sau:

a, Định tội danh là một quá trình nhận thức có tính logic giữa lý luận và thực tiễn. Thể hiện ở 2 khía cạnh: xác định xem hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện có phù hợp với các dấu hiệu của CTTP cụ thể trong BLHS và đưa ra sự đánh giá nhất định về mặt pháp lý hình sự đối với hành vi đã thực hiện trong thực tế.

b, Quá trình hoạt động định tội danh phải tuân thủ nghiêm chỉnh các quy phạm pháp luật của luật nội dung là BLHS cũng như các quy phạm pháp luật của luật hình thức là BLTTHS.

c, Định tội danh là một dạng hoạt động ADPL của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) để cụ thể hóa các QPPLHS trừu tượng áp dụng vào đời sống thực tế. Trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết của hành vi phạm tội đã thực hiện và sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn nội dung của các QPPLHS.

d, Định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn ADPL hình sự được tiến hành theo 04 bước sau:

Bước 1: Thiết lập, xem xét, đánh giá đúng các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế khách quan.

Đối với bước này, đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn. Phải dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của BLTTHS.

Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tính tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án.

Đánh giá mỗi tính tiết của vụ án, phải đặt nó trong hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biên chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra. Bởi vì, cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất. Kết luận về từng tình tiết độc lập, không thể phản ánh đúng về bản chất của tình tiết đó trong toàn bộ diễn biến của vụ án.

Bước 2: Nhận thức một cách thống nhất và chính xác nội dung các quy phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của CTTP về tội danh có hướng lựa chọn. Các dấu hiệu trong CTTP được quy định trong BLHS mang tính trừu tượng chỉ nêu một cách khái quát những nét đặc trưng mang tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế muôn hình muôn vẻ, chính vì vậy đòi hỏi phải có quá trình tư duy để nhận thức sâu rộng, đúng đắn về nội dung của các dấu hiệu trong CTTP.

Bước 3: So sánh đối chiếu hai quá trình trên.

Bước 4: Ra văn bản ADPL chính là bản án và các quyết định có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục về 3 bước trên để xác định tội danh cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội của người đó.

Qua các đặc điểm của định tội danh đã phân tích ở trên có thể đưa ra khái niệm định tội danh như sau: *“Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP của điều luật tương ứng trong Phần*

các tội phạm BLHS quy định, cũng như các quy định khác trong BLHS có liên quan, qua đó làm tiền đề phân tích, đánh giá và ra quyết định về TNHS cũng như hình phạt của người phạm tội”.

Từ cơ sở lý luận về định tội danh nêu trên, kết hợp với quy định của BLHS Việt Nam về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, theo chúng tôi có thể đưa ra khái niệm đang nghiên cứu như sau:

Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là hoạt động thực tiễn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự để xác định, so sánh và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể trong thực tế đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP của Điều 194 và các quy định khác có liên quan trong BLHS, qua đó làm tiền đề để phân tích, đánh giá và ra quyết định về TNHS cũng như hình phạt của người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

2.1.1.2. Các yếu tố làm căn cứ trong hoạt động định tội danh

** Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*

Cơ sở pháp lý của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là toàn bộ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến vấn đề định tội danh đối với tội phạm này, bao gồm:

- Cơ sở pháp lý về nội dung của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là các văn bản pháp luật trong lĩnh vực luật hình sự, mà trước hết và chủ yếu là BLHS.

- Cơ sở pháp lý về hình thức của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là các văn bản pháp luật quy định về thủ tục tố tụng làm cơ sở cho việc định tội danh và giải quyết vụ án hình sự.

** Cơ sở khoa học của định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*

CTTP của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là cơ sở lý luận để định tội danh đối với loại tội phạm này. Các dấu hiệu CTTP tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được ghi nhận trong cả Phần chung và Phần các tội phạm BLHS. Qua nghiên cứu quy định của BLHS, có thể rút ra các dấu hiệu cấu thành của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy gồm: Khách thể và mặt khách quan, chủ thể và mặt chủ quan của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

2.1.1.3. Ý nghĩa của hoạt động định tội danh

Định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng các QPPLHS. Hoạt động định tội danh của các chủ thể có thể theo 2 xu hướng: Định tội danh đúng và định tội danh sai.

* Đối với hoạt động định tội danh đúng có ý nghĩa chính trị - xã hội, đạo đức và pháp luật rất to lớn, cụ thể:

Định tội danh đúng là tiền đề cho việc phân hóa TNHS và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, công bằng và có căn cứ và đúng pháp luật đối với người phạm tội.

Định tội danh đúng sẽ hỗ trợ cho việc thực hiện một loạt các nguyên tắc tiến bộ được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền như: nguyên tắc pháp chế, trách nhiệm do lỗi, trách nhiệm cá nhân, bình đẳng trước pháp luật hình sự, nguyên tắc công minh nhân đạo và nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm.

Định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

* Đối với hoạt động định tội danh sai không chỉ làm cho việc quyết định hình phạt không đúng, không công bằng mà còn áp dụng không có căn cứ.

Định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không thuyết phục được người phạm tội về tính đúng đắn và nghiêm minh của bản án, giảm hiệu quả giáo dục của bản án đối với quần chúng nhân dân, truy cứu TNHS người vô tội,

bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà nước. Từ đó là giảm hiệu quả công tác đấu tranh với tình hình tội phạm, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, vi phạm nghiêm trọng các đòi hỏi của nguyên tắc công bằng, pháp chế XHCN.

Những vụ việc oan sai chủ yếu bắt nguồn từ việc đánh giá chứng cứ phiến diện, thiếu thận trọng, nôn nóng khởi tố, bắt tạm giam, suy diễn chủ quan.

2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La

2.1.2.1. Tình hình xét xử tội phạm nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La về tình hình xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong thời gian từ năm 2011-2015 cho thấy:

Bảng 2.1: Tình hình xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Năm	Tổng số vụ án đưa ra xét xử	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử	Tổng số vụ án đưa ra xét xử theo Điều 194	Tổng số bị cáo đưa ra xét xử theo Điều 194	Tỷ lệ % (I) và (III)	Tỷ lệ % (II) và (IV)
	(I)	(II)	(III)	(IV)		
2011	1313	2041	753	985	57,3	48,3
2012	1196	1905	699	931	58,4	48,9
2013	1340	2206	809	1093	60,4	49,5
2014	1132	1767	558	741	49,3	41,9
2015	1375	2032	848	1122	61,7	55,2
Tổng	6356	9951	3667	4872	57,69	48,95

Nguồn: Tòa án dân nhân tỉnh Sơn La

Phân tích Bảng 2.1 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, tổng số các loại vụ án trên địa bàn tỉnh Sơn La bị đưa ra xét xử là 6.356 vụ án và tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử là 9.951 bị cáo. Trong đó, tổng số vụ án đưa ra xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là 3.667 vụ án (chiếm tỷ lệ là 57,69 %) và số bị cáo bị xét xử tội này là 4.872 bị cáo (chiếm tỷ lệ là 48,95%). Điều đó cho thấy trong những năm qua, tỉnh Sơn La là một điểm nóng về tội phạm đặc biệt là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đã chiếm số lượng lớn và chủ yếu trong cơ cấu các loại tội phạm trên địa bàn tỉnh.

Bảng 2.2: Tỷ lệ xét xử các vụ án và bị cáo bị về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy so với các tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015.

Năm	Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo Điều 194 (I)		Các tội về ma túy (II)		Tỷ lệ % (I) so với (II)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	753	985	754	986	99,9	99,9
2012	699	931	701	933	99,7	99,8
2013	809	1093	809	1093	100	100
2014	558	741	560	743	99,6	99,7
2015	848	1122	848	1122	100	100
Tổng	3667	4872	3672	4877	99,8	99,8

Nguồn: Tòa án dân nhân tỉnh Sơn La

Phân tích Bảng 2.2 cho thấy:

Trong toàn bộ các vụ án về tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đã xét xử thì số vụ án và số bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy luôn chiếm tỷ lệ cao; trong các năm 2013, 2014, chiếm tỷ lệ là 100%, trong 5 năm từ năm 2011-2015 chiếm tỷ lệ là 99,8%.

Bảng 2.3: Tổng số vụ, số bị cáo đã bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm 2011-2015

Năm	Số vụ phải xét xử		Số đã xét xử		Số trả lại viện kiểm sát	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	753	985	740	965	7	10
2012	699	931	681	904	9	14
2013	809	1093	743	1003	16	27
2014	558	741	476	639	64	77
2015	848	1122	802	1062	16	20
Tổng	3667	4872	3442	4573	112	148

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Phân tích bảng 2.3 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, số vụ án phải xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là 3.667 vụ với 4.872 bị cáo, đã xét xử 3.442 vụ với 4.573 bị cáo, số vụ án trả lại Viện kiểm sát là 112 vụ với 148 bị cáo.

Sau khi có Công văn 234/TANDTC-HS của Tòa án nhân dân tối cao về việc tiến hành giám định hàm lượng các chất ma túy khi thu giữ để phục vụ công tác xét xử thì việc định tội danh giữa các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có nhiều điểm thiếu thống nhất trong việc giải quyết vụ án. Trong khi các cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vẫn căn cứ vào trọng lượng chất ma túy đã thu giữ được để tiến hành định tội danh và định khung hình phạt thì ngược lại, cơ quan Tòa án lại căn cứ vào trọng lượng chất ma túy sau khi giám định hàm lượng để định khung hình phạt. Thực tế đó đã gây ra tình trạng trong một số vụ án sau khi điều tra Viện kiểm sát đã truy tố bị can theo quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 194 BLHS nhưng khi xét xử Tòa án lại áp dụng khung hình phạt nhẹ hơn khung mà Viện kiểm sát đã truy tố do trọng lượng thay đổi sau khi giám định hàm lượng. Mặt khác, có nhiều vụ án khi tiến hành bắt quả tang nhưng qua cân xác định trọng lượng thì có số lượng nhỏ (0,1 gam) nên các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã không thể tạm giữ đối với các đối tượng.

2.1.2.2. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 theo cấu thành cơ bản

Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy không có các tình tiết là yếu tố định khung hình phạt, được quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS. Qua thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn từ năm 2011-2015, số bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại khoản 1 Điều 194 có khoảng 3.257 bị cáo chiếm 71,2% trên tổng số bị cáo. Vì các tội phạm về ma túy, chủ yếu là bắt quả tang nên hành vi phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, thu giữ tang vật ngay tại hiện trường nên khi bị bắt, tội phạm đều thành khẩn khai nhận về hành vi của mình, mức hình phạt của tội này là từ hai năm đến bảy năm tù. Đây là loại tội phạm nghiêm trọng nên đa số không áp dụng hình phạt cho hưởng án treo, sau khi tuyên án, các bị cáo đều nhận tội. Đồng thời, người phạm tội ở khoản 1, không có tình tiết định khung, đa phần là phạm tội lần đầu và có các tình tiết giảm nhẹ nên trung bình mức hình phạt ở khoản này là từ 1 năm tù đến 5 năm tù là thỏa đáng.

Việc định tội danh theo khoản 1 Điều 194 BLHS trên địa bàn tỉnh Sơn La trong 05 năm qua chủ yếu thể hiện ở một số nội dung nổi bật sau:

- Định tội danh theo một hành vi quy định tại Điều 194 BLHS và quyết định một hình phạt về hành vi đó. Bị cáo chỉ thực hiện một hành vi phạm tội (một trong các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy) và phải chịu một hình phạt tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Ví dụ: Ngày 25/11/2011, Công an huyện Mộc Châu bắt quả tang Lương Văn Dung đang để trong cốp xe máy 01 túi nilon trong có 01 gói chứa chất bột màu trắng là Hêrôin trọng lượng 0,35 gam, đi xe máy di chuyển từ Tiểu khu Chè Đen đến Tiểu khu 66, thị trấn nông trường huyện Mộc Châu. Dung khai do nghiện ma túy nên đi mua về sử dụng, khi về gần đến nhà thì bị bắt quả tang. Tại bản án số 82/2012/HSST ngày 19/01/2012, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt Lương Văn Dung 42 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Định tội danh trong trường hợp đồng phạm đối với các đối tượng đi mua hộ, giao hộ ma túy cho người khác. Theo đó, các bị cáo phải chịu hình phạt về tội mua bán trái phép chất ma túy vì hành vi đi mua hộ ma túy của mình.

Ví dụ: Khoảng 21 giờ ngày 23/3/2012, khi Vàng A Chứ đang ở nhà tại Tiểu khu Pa Khen, thị trấn nông trường Mộc Châu thì có một người đàn ông có quen biết đến đưa cho Chứ 2 triệu đồng nhờ đi mua hộ Hêrôin và cho Chứ 200 nghìn tiền công. Vàng A Chứ cầm số tiền đó đến khu vực Nghĩa Trang Mộc Châu mua 01 gói Hêrôin với giá 1 triệu 8 trăm nghìn đồng tương đương 2,16 gam của một người dân tộc Hơ Mông không quen biết. Sau khi về nhà Chứ đã đến nhà người đàn ông đã nhờ mình mua Hêrôin. Đang trên đường đi thì bị bắt quả tang. Tại bản án số 59/2012/HSST ngày 15/5/2012, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã xử phạt Vàng A Chứ 03 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Định tội danh đối với bị cáo trong trường hợp là dựa trên lời khai của người làm chứng, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác.

Ví dụ: Khoảng 13 giờ ngày 12/4/2011 tại trục đường 6 cũ, Công an huyện Vân Hồ tiến hành kiểm tra hành chính đối với Lò Việt Hùng, phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải của Hùng 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chất bột dạng cục màu trắng. Hùng khai mua số ma túy trên của Phạm Văn Nho về để sử dụng và bán. Khám xét khẩn cấp nhà Nho tại xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, Sơn La, Công an huyện Vân Hồ thu giữ tại gầm tủ hàng tạp hóa 01 gói được gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong có chất bột dạng cục màu trắng - Theo kết luận giám định là chế phẩm Hêrôin, trọng lượng 2,502g. Tại bản án số 56/2011/HSST Ngày 26/7/2011 của TAND huyện Vân Hồ đã tuyên bị cáo Nho phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Hùng phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

2.1.2.3. Thực tiễn định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 theo cấu thành tăng nặng

Như đã nói trên, tình hình tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng về phạm vi, quy mô, tổ chức. Lợi nhuận mà ma túy mang lại cho những người phạm tội là siêu lợi nhuận, đồng thời khi đã nghiện ma túy thì rất khó bỏ. Qua khảo sát thực tiễn hoạt động định tội danh tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm 2011-2015 thấy rằng, đối

với cấu thành tăng nặng thì số bị cáo định tội danh theo khoản 2 Điều 194 BLHS là 666 bị cáo; số bị cáo nào bị định tội danh theo khoản 3, khoản 4 BLHS là 650 bị cáo. Từ năm 2011-2015 theo thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La có 442 bị cáo bị phạm tội tại khoản 2, 3, 4 Điều 194 BLHS tập trung vào một số tình tiết như “phạm tội nhiều lần”, “tái phạm, tái phạm nguy hiểm”.

Việc định tội danh theo cấu thành tăng nặng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong 05 năm qua chủ yếu thể hiện ở một số nội dung nổi bật sau:

- Định tội danh trong trường hợp phạm tội nhiều lần.

Ví dụ: Ngày 25/4/2014, Tản Diều Giàng trú tại xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La mua được một gói Hêrôin với giá tiền 450.000 đồng của một người dân tộc Hơ Mông không quen biết với mục đích để sử dụng và chia nhỏ bán lẻ kiếm lời. Ngày 28/4/2014 Giàng A De đến nhà Giàng hỏi mua Hêrôin với giá 50.000 đồng để sử dụng. Mua được Hêrôin, De đã mang đi và sử dụng hết. Đến khoảng 18 giờ ngày 30/4/2014, Lù A Sính đến nhà Giàng hỏi mua Hêrôin với giá 30.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua được Hêrôin, Sính mang đi sử dụng và đang sử dụng thì bị tổ công tác công an huyện Mường La bắt quả tang. Trên cơ sở lời khai của Sính, tổ công tác công an huyện Mường La tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ số Hêrôin của Giàng có trọng lượng 0,61 gam. Ngày 28/9/2014, Tòa án dân nhân huyện Mường La, tỉnh Sơn La xét xử Tản Diều Giàng về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b (phạm tội nhiều lần) khoản 2 Điều 194 BLHS.

- Định tội danh trong trường hợp tái phạm.

Ví dụ: Ngày 07/4/2014, Sa Văn Quỳnh trú tại thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La mua được một gói Hêrôin với giá tiền 300.000 đồng của một người phụ nữ không quen biết, mục đích sử dụng và chia nhỏ bán lẻ kiếm lời. Ngày 08/4/2014, Quỳnh đang ở nhà thì có Phan Văn Sinh và Phan Văn Xuân đến hỏi mua Hêrôin để sử dụng. Sinh và Xuân cùng lúc mỗi người đưa cho Quỳnh 50.000 đồng. Nhận 100.000 đồng, Quỳnh lấy 02 gói nhỏ Hêrôin đưa cho Sinh và Xuân mỗi người một gói. Mua được Hêrôin, Xuân mang đi sử dụng hết, Sinh đang sử dụng thì bị phát hiện thu giữ gói Hêrôin có trọng lượng 0,03 gam. Tiến hành khám xét khẩn cấp thu

giữ số Hêrôin còn lại của Quỳnh có trọng lượng 0,37 gam. Về nhân thân, ngày 25/9/2009, Sa Văn Quỳnh đã bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy nhưng chưa được xóa án tích. Ngày 22/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử Sa Văn Quỳnh về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194; điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 BLHS.

- Định tội danh trong trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Ví dụ: Ngày 09/5/2014, Hoàng Minh Sơn, trú tại tổ 4, phường Quyết tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La mua được một gói Hêrôin với giá tiền là 1.000.000 đồng, mục đích để sử dụng và chia nhỏ bán lẻ kiếm lời. Khoảng 20 giờ ngày 13/5/2014, Tráng A Lứ và Quàng Văn Sinh mỗi người lấy 100.000 đồng, tổng cộng là 200.000 đồng rồi đi đến nhà Sơn hỏi mua Hêrôin. Sơn lấy 200.000 đồng và đưa hai gói nhỏ Hêrôin cho Lứ và Sinh. Mua được Hêrôin, Lứ và Sinh mang đi sử dụng và đang sử dụng thì bị tổ công tác Công an thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La phát hiện. Trên cơ sở lời khai của Tráng A Lứ và Quàng Văn Sinh, Công an thành phố Sơn La đã tiến hành khám xét khẩn cấp thu giữ số Hêrôin của Sơn có trọng lượng 0,13 gam. Kết quả điều tra xác định: ngày 26/5/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt Hoàng Minh Sơn 7 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 28/6/2012 Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt Hoàng Minh Sơn 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, ngày 06/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã xét xử Hoàng Minh Sơn về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm p (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 194 BLHS.

- Định tội danh trong trường hợp phạm tội có đồng phạm.

Ví dụ: Ngày 01/3/2013, hai anh em Mùa A Sà và Mùa A Chia ở xã Chiềng Sơn, Mộc Châu, Sơn La đến nhà Cư Seo Phi cùng xã rủ đi Hêrôin ở Cửa khẩu Pa Háng mang để mang xuống huyện Mai Châu, Hòa Bình bán vì huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình có rất nhiều đối tượng nghiện ma túy. Sà, Chia và Phi thống nhất góp mỗi người 20.000.000 đồng, tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Đến sáng ngày 12/3/2014 Sà, Chia và Phi đi xe mô tô đến cửa khẩu Pa Háng, huyện Mộc Châu mua

Hêrôin của người tên là Chỉ với số tiền là 60.000.000 đồng. Trên đường Sà, Chia, Phi đi về thuộc Km 75 thị trấn nông trường Mộc Châu thì bị Tổ Cảnh sát giao thông – Công an huyện Mộc Châu dừng lại phát hiện và thu giữ nửa bánh Hêrôin với trọng lượng 160gam. Ngày 21/8/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã đưa ra xét xử Mùa A Sà, Mùa A Chia, Cư Seo Phi về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 194; Điều 20 BLHS.

- Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

Ví dụ: Ngày 11/5/2011, Mùa A Chứ giấu một gói Hêrôin có trọng lượng 121,32 gam vào cốp xe máy rồi điều khiển xe máy từ nhà mình ở xã Song Khùa, huyện Vân Hồ, Sơn La đi lên quốc lộ 6 cũ. Đi đến địa phận xã Tô Múa, huyện Vân Hồ thì bị tổ công tác Công an huyện Vân Hồ yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra cốp xe máy, sợ bị phát hiện Mùa A Chứ đã bỏ chạy và bị đồng chí Nguyễn Xuân Tường là cán bộ Công an huyện Vân Hồ phát hiện và đuổi theo. Mùa A Chứ đã chống trả quyết liệt và dùng đá ném vào đầu đồng chí Tường. Hậu quả đồng chí Tường bị thương tích và kết quả giám định là tổn hại sức khỏe 3%. Ngày 21/11/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử Mùa A Chứ về các tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 194 BLHS và tội Chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 257 BLHS.

Qua nghiên cứu, khảo sát các bản án hình sự trên địa bàn tỉnh Sơn La xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong giai đoạn 2011-2015 thì những hành vi phạm tội và bị định tội danh chủ yếu trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Sơn La là hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy và ít có hành vi nào chiếm đoạt chất ma túy.

Bên cạnh những vấn đề trên thì thực tiễn trong thời gian qua, việc định tội danh của các cơ quan tố tụng trên địa bàn tỉnh Sơn La vẫn còn một số thiếu sót, hạn chế:

Đối với việc xác định tội danh trong trường hợp có nhiều hành vi khách quan khác nhau như: Ngày 12/2/2012, Cơ quan điều tra bắt quả tang A sử dụng trái phép chất ma túy (Hêrôin), nguồn gốc số Hêrôin A khai mua của B và B cũng thừa nhận là bán Hêrôin A. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của B thu giữ 3 gam Hêrôin. Do B

khai nguồn gốc số Hêrôin bán cho A và nguồn gốc 3 gam Hêrôin đã bị thu giữ là khác nhau nên:

Quan điểm 1: B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tăng nặng (phạm tội nhiều lần) quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 BLHS vì B có 02 lần mua bán trái phép chất ma túy độc lập với nhau.

Quan điểm 2: B phạm 2 tội là tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS đối với lần bán Hêrôin cho A và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS vì mặc dù B tàng trữ nhằm mục đích để bán nhưng B chưa bán cho ai.

2.2. Quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.2.1. Cách tiếp cận để nhận diện quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

2.2.1.1. Khái niệm, các đặc điểm và ý nghĩa của quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt là hoạt động mang tính chính trị - pháp lý nhân văn, thể hiện quyền lực nhà nước, thể hiện sự lên án đánh giá của xã hội đối với tội phạm, nó là một hoạt động thực tiễn mang tính quyền lực nhà nước.

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn quan trọng, là một trong những nội dung cơ bản của quá trình ADPL hình sự và chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt là một dạng hoạt động ADPL hình sự do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trình tự nhất định. Ngoài ra nó còn là một dạng hoạt động pháp lý tố tụng hình sự, bởi vì để quyết định hình phạt, Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tố tụng hình sự khác như kết quả hoạt động điều tra, truy tố và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyết định hình phạt có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, Quyết định hình phạt chỉ áp dụng đối với các nhân người có hành vi phạm tội và đủ điều kiện về mặt chủ thể của tội phạm. Pháp luật hình sự Việt Nam

hiện nay chỉ thừa nhận chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm và có lỗi trong điều kiện hoàn toàn có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo luật định tại thời điểm thực hiện tội phạm. Do đó, đối tượng quyết định hình phạt chỉ là người phạm tội và chính họ sẽ phải chấp hành hình phạt mà Tòa án đã tuyên đối với họ chứ không phải một ai khác có thể chấp hành thay, cho dù là tự nguyện. Có như vậy hình phạt mới đạt được mục đích trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Thứ hai, Quyết định hình phạt chỉ diễn ra sau khi Tòa án đã tiến hành định tội danh và khi người phạm tội bị khẳng định là có tội thì quyết định hình phạt sẽ được thực hiện bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Trường hợp người phạm tội bị kết án bằng bản án của Tòa án và phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình đã gây ra bằng hình phạt cụ thể. Hoạt động xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm thường được trải qua ba giai đoạn là định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt. Nếu lấy giai đoạn định khung để so sánh thì định khung hình phạt sai sẽ dẫn đến quyết định hình phạt sai nhưng định khung hình phạt sai có thể định tội danh vẫn đúng. Vì vậy, định khung hình phạt là bước đầu của quyết định hình phạt, là cơ sở để quyết định hình phạt đúng nên định khung hình phạt thuộc về quyết định hình phạt. Trên cơ sở khung hình phạt đã được xác định, Hội đồng xét xử phải tiến hành quyết định hình phạt chính trước, sau đó mới quyết định hình phạt bổ sung. Điều này cho thấy, trong quyết định hình phạt, quyết định hình phạt chính có tính bắt buộc và không thể không được thực hiện trong trường hợp người phạm tội bị kết án.

- Trong trường hợp người phạm tội bị kết tội nhưng được Tòa án miễn TNHS đối với tội phạm mà người phạm tội thực hiện. Miễn TNHS là một trong những chính sách khoan hồng, thể hiện bản chất nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Nếu người phạm tội được miễn TNHS thì đương nhiên không phải chịu hình phạt của luật hình sự với tính chất là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm và như vậy việc quyết định hình phạt sẽ không đặt ra. Vì vậy, miễn hay không miễn TNHS chỉ là tiền đề cho việc

quyết định hình phạt có được thực hiện hay không cần thực hiện. Điều này khẳng định miễn TNHS không phải là nội dung thuộc về quyết định hình phạt.

- Trường hợp người phạm tội bị kết án bằng bản án kết tội của Tòa án và phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình nhưng được miễn hình phạt. Cũng giống như miễn TNHS, miễn hình phạt là một trong những chính sách khoan hồng, thể hiện bản chất nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, khác với người được miễn TNHS, việc miễn hình phạt chỉ thuộc thẩm quyền của Tòa án và được thực hiện sau khi Tòa án đã thực hiện việc định tội danh và xác định TNHS của người phạm tội. Chính vì vậy, miễn hình phạt là một trong nội dung và thuộc về quyết định hình phạt.

Các nội dung đó được tiến hành theo trình tự và được thực hiện khi áp dụng cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung. Loại mà mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo phải được thể hiện trong bản án buộc tội theo quy định của BLTTHS và được công bố một cách công khai khi tuyên án. [43, tr.385]

Điều 45 BLHS quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tình chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tính tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS ấy”*.

Từ những phân tích trên chúng tôi cho rằng, *quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và ADPL hình sự, do Tòa án có thẩm quyền (Hội đồng xét xử), nhân danh Nhà nước CHXHCN Việt Nam thực hiện sau khi đã định tội danh và tùy thuộc vào từng trường hợp để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt (hình phạt chính, hình phạt bổ sung), mức hình phạt cụ thể áp dụng cho chính cá nhân người phạm tội trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật định, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội theo quy định của BLHS.*

Qua nghiên cứu, chúng tôi cho rằng, *quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy là việc Tòa án căn cứ vào các tình tiết của vụ án nhằm lựa chọn loại hình phạt cụ thể, bao gồm hình phạt chính và có thể cả hình phạt bổ sung, với mức độ cụ thể trong phạm vi BLHS quy*

định để áp dụng đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Quyết định hình phạt có ý nghĩa vô cùng to lớn, bởi suy cho cùng, các hoạt động tố tụng hình sự trước đó sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu Tòa án không làm tốt việc quyết định hình phạt.

Quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý không chỉ là cơ sở, tiền đề để đạt được mục đích của hình phạt là cải tạo, giáo dục phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng mà nó còn là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả của hình phạt. Nếu hình phạt quá nhẹ sẽ làm giảm ý nghĩa phòng ngừa của hình phạt nhưng nếu hình phạt quá nặng sẽ tạo tâm lý không công bằng, không hợp lý ở người bị kết án dẫn đến thái độ oán hận, không tin tưởng pháp luật.

Quyết định hình phạt đúng là điều kiện đảm bảo tính khả thi của hệ thống hình phạt và làm cho hệ thống hình phạt thực sự là công cụ hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Quyết định hình phạt đúng tác động đến ý thức của mỗi cá nhân nhận thức được tính nghiêm minh của pháp luật để tự giác chấp hành pháp luật từ đó góp phần bảo đảm pháp chế trong Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2.1.2. Nguyên tắc quyết định hình phạt

Các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm:

- *Nguyên tắc pháp chế XHCN*: Nội dung của nguyên tắc này được thể hiện trước hết ở việc Tòa án chỉ có thể quyết định một hình phạt đối với người phạm tội và khi quyết định hình phạt, Tòa án phải tuân thủ các quy định của BLHS về nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể và Tòa án chỉ có thể tuyên những hình phạt được quy định trong BLHS.

- *Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa*: Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc, đánh giá một cách hài hòa, hợp lý trong một thể thống nhất lợi ích của xã hội của Nhà nước và của người phạm tội. Theo đó, Tòa án phải xuất phát từ tư tưởng nhân đạo để áp dụng và tuân thủ triệt để các quy định của luật hình sự về việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội không nhằm mục đích gây đau đớn

về thể xác và hạ thấp nhân phẩm con người mà ngược lại bên cạnh mục đích chính trị thì mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội luôn là mục đích cao nhất mà chúng ta hướng tới.

- *Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt*: Yêu cầu của nguyên tắc này là mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện và trừng phạt. Khi quyết định hình phạt, Toà án phải cân nhắc đầy đủ các căn cứ quyết định hình phạt để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể áp dụng cho người phạm tội sao cho công bằng, hợp lý nhằm bảo đảm mục đích của hình phạt là vừa trừng trị, vừa giáo dục cải tạo người phạm tội.

- *Nguyên tắc công bằng*: Nội dung của nguyên tắc này trong việc quyết định hình phạt là loại và hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với các tội đã phạm và nhân thân người phạm tội. Đồng thời, hình phạt đã tuyên đối với tội phạm cần phải phản ánh một cách đúng đắn dư luận xã hội, ý thức xã hội, có sức thuyết phục, đảm bảo công bằng và chính sách hình sự.

2.2.1.3. Căn cứ quyết định hình phạt

Để đảm bảo chất lượng, hiệu quả của hoạt động quyết định hình phạt, Điều 45 BLHS năm 1999 quy định các căn cứ quyết định hình phạt mà Toà án bắt buộc phải dựa vào khi quyết định hình phạt là:

* *Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự.*

Quy định của BLHS là cơ sở pháp lý quan trọng nhất để Toà án định tội danh và xác định khung hình phạt, yêu cầu đầu tiên của việc lựa chọn đúng loại và mức hình phạt cụ thể. Việc quy định căn cứ “quy định của bộ luật hình sự” nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng pháp luật khi áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào quyết định hình phạt. Nếu không dựa vào quy định của BLHS sẽ dẫn đến việc tùy tiện hoặc lạm dụng các quy phạm pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt, đồng thời hình phạt được quyết định cũng khó có thể tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Chính vì vậy, Điều 45 BLHS năm 1999 đã buộc Hội đồng xét xử phải “căn cứ” vào quy định của BLHS gồm có cả phần chung và Điều 194 BLHS có liên quan đến tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Vì vậy, chỉ quyết định

hình phạt khi có đủ căn cứ xác định một người đã phạm vào một tội mà BLHS quy định, tức là phải định tội trước rồi mới quyết định hình phạt sau.

** Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là đặc tính về chất của tội phạm còn mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là đặc tính về lượng của tội phạm và đều là thuộc tính khách quan của một loại tội phạm nhất định được xác định bởi tổng thể các dấu hiệu CTTP.

Để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện, Tòa án phải dựa vào các dấu hiệu sau: tính chất và mức độ của hậu quả đã gây ra hoặc đe dọa gây ra; các loại và mức độ lỗi; tính chất và động cơ phạm tội; tính chất của hành vi tham gia thực hiện tội phạm như thủ đoạn phạm tội, công cụ, phương tiện phạm tội, hình thức thực hiện tội phạm. Các tính tiết như thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội trong những trường hợp không được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào các tình tiết nêu trên và phải nêu rõ các tình tiết đó trong bản án để chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội từ đó chọn loại và mức hình phạt cụ thể đối với người phạm tội.

** Cân nhắc nhân thân người phạm tội*

Nhân thân người phạm tội là một phạm trù lịch sử, bao gồm tổng hợp các đặc điểm về xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh học, nói lên tính chất của con người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị quy định trong BLHS là tội phạm. Các đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết vấn đề TNHS của người phạm tội một cách công minh, có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nghiên cứu về nhân thân người phạm tội sẽ cho chúng ta biết được những đặc điểm tốt, những đặc điểm xấu, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hình thành nhân cách của người phạm tội để qua đó góp phần đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như khả năng giáo dục, cải tạo họ. Từ đó, giúp cho Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hình phạt phù hợp với khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội. Chỉ có như vậy mới giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội, đảm bảo cho việc cá thể hoá hình phạt một cách chính xác nhằm đạt được tốt nhất các mục đích của hình phạt. Tuy nhiên, việc cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt phải quán triệt các yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội theo quy định của BLHS là tình tiết định tội, tình tiết định khung hình phạt hoặc đã được xác định là tình tiết giảm nhẹ hay tình tiết tăng nặng TNHS thì không được sử dụng một lần nữa để cân nhắc nhân thân người phạm tội khi quyết định hình phạt.

Thứ hai: Chỉ những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có liên quan trực tiếp đến tội phạm được thực hiện mà việc cân nhắc chúng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người phạm tội và tạo khả năng cao nhất để có thể đạt được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội mới được xem xét khi quyết định hình phạt.

Thứ ba: Trong mối quan hệ với căn cứ thứ hai, nhân thân người phạm tội chỉ là căn cứ giữ vị trí hỗ trợ, bổ sung để hình phạt được tuyên không những đúng pháp luật mà còn phù hợp với thực tiễn, đảm bảo đạt được các mục đích của hình phạt.

Thứ tư: Cần phân định rõ các đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội với các dấu hiệu chủ thể của tội phạm.

** Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự*

Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa pháp lý hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt được tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS là những biểu hiện có tính đặc thù của từng trường hợp phạm tội cụ thể nên mức độ ảnh hưởng của các tình tiết này đến việc quyết định hình phạt phải tùy thuộc vào từng vụ án hình sự cụ thể. Mức độ giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của mỗi tình tiết không được nhà làm luật quy định trước trong luật mà thuộc quyền cân

nhắc của Hội đồng xét xử. Vì vậy, khi cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS, cần phải quán triệt các yêu cầu có tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất: Trong mỗi vụ án hình sự, trước tiên cần xác định tình tiết là yếu tố định tội, tình tiết là yếu tố định khung hình phạt trước rồi mới xác định tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Những tình tiết đã là yếu tố định tội, định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc tình tiết tăng nặng TNHS.

Thứ hai: Trong mỗi vụ án hình sự thường có cả tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng TNHS với những giá trị pháp lý không giống nhau. Điều đó đòi hỏi Hội đồng xét xử phải trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết trong mối liên hệ thống nhất của toàn bộ vụ án để xác định giá trị pháp lý, ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS làm căn cứ quyết định mức hình phạt tương xứng trong phạm vi khung hình phạt.

Thứ ba: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS chung được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, Hội đồng xét xử có quyền coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Ngược lại, ngoài những tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS, Hội đồng xét xử không được coi bất kỳ tình tiết nào khác là tình tiết tăng nặng TNHS cho bị cáo.

Thứ tư: Khi bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, Toà án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Ngược lại, dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS thì Toà án cũng không được quyết định hình phạt vượt quá giới hạn mức tối đa của khung hình phạt

2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La

2.2.2.1. Tổng quan

Qua nghiên cứu, phân tích số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn la về việc áp dụng hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong thời gian từ năm 2011-2015 cho thấy:

Bảng 2.4: Những hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy giai đoạn 2011-2015:

Năm	Số bị cáo đã xét xử	Cảnh cáo	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù dưới 3 năm	Tù 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 năm đến 15 năm	Tù trên 15 năm đến 20 năm	Tù từ 20 năm đến tù chung thân	Tù chung thân	Tử hình
2011	965	0	0	0	546	162	125	99	15	26	7
2012	904	0	0	0	543	119	134	76	16	25	7
2013	1003	0	0	0	544	172	103	103	11	26	8
2014	639	0	0	0	312	129	120	53	13	22	3
2015	1062	0	0	0	539	191	184	83	20	23	14
Tổng	4573	0	0	0	2484	773	666	414	75	122	39

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

Phân tích Bảng 2.4 cho thấy:

Trong thời gian từ năm 2011-2015, trong các bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La không có trường hợp nào bị cáo bị tuyên không có tội; miễn trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt hoặc cảnh cáo. Đặc biệt, trong thời gian này không có bị cáo nào được hưởng án treo về tội này.

Việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo phạm tội này chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn dưới 03 năm với 2.484 trường hợp và tù từ 03 năm đến 07 năm là 773; tù từ 7 năm đến 15 năm là 666 trường hợp; tù từ 15 năm đến 20 năm là 414 trường hợp; tù từ 20 năm đến chung thân là 75 trường hợp; tù chung thân là 122 trường hợp và 39 trường hợp bị áp dụng hình phạt tử hình. Việc áp dụng hình phạt bổ sung không áp dụng

Bảng 2.5: Nhân thân của các bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La

Nhân thân của các bị cáo bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy										
Năm	Số bị cáo đã xét xử	Đảng viên	Cán bộ công chức	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 14 tuổi -16 tuổi	Từ đủ 16 tuổi-30 tuổi	Người nước ngoài	Nghiện ma túy	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm
2011	965	12	3	549	89	2	396	2	569	112
2012	904	7	5	412	110	1	338	11	514	91
2013	1003	8	2	472	97	1	387	2	543	102
2014	639	2	0	297	47	0	177	6	317	46
2015	1062	10	1	474	114	0	300	8	550	91
Tổng	4573	39	11	2204	457	4	1598	29	2493	442

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

Phân tích Bảng 2.5 cho thấy:

Tỉnh Sơn La là tỉnh miền núi Tây Bắc nơi tập trung của nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống vì vậy mà các đối tượng phạm tội chủ yếu tập trung vào 02 loại đối tượng là người nghiện ma túy 2.493 trường hợp và người dân tộc thiểu số 2.204 trường hợp.

Các đối tượng phạm tội từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi là 1.598 trường hợp.

Trong 5 năm có 4.473 trường hợp bị xét xử về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, trong đó đối tượng nữ giới phạm tội là 457 đối tượng, đối tượng Đảng viên phạm tội là 39 trường hợp, đối tượng phạm tội cán bộ công chức phạm tội là 11 trường hợp, đối tượng phạm tội từ đủ 14 tuổi đến 16 tuổi là 4 trường hợp.

Các đối tượng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm cũng ở mức cao là 442 trường hợp.

Ngoài ra, do vị trí địa lý của tỉnh Sơn La có nhiều cửa khẩu và đường biên giới dài nên đối tượng phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La là người nước ngoài trong 5 năm là 29 trường hợp.

2.2.2.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

Theo quy định của Điều 194 BLHS, người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có thể bị áp dụng những hình phạt sau đây: khoản 1 có mức từ 2 đến 7 năm tù; khoản 2 có mức hình phạt từ 7 đến 15 năm tù; khoản 3 từ 15 đến 20 năm tù; khoản 4 có mức hình phạt từ 20 năm tù, chung thân và tử hình; khoản 5 là hình phạt bổ sung. Để có thể đưa ra một trong những quyết định của hình phạt trên đối với bị cáo thì Tòa án cần phải tuân thủ các căn cứ quyết định hình phạt, ngoài ra còn phải tuân thủ các quy định khác trong BLHS như nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội (Điều 69); các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46); các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48); QĐHP trong trường hợp đồng phạm (Điều 53)...

Qua thực tiễn QĐHP tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 cho thấy hầu hết bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 1 Điều 194 BLHS với mức hình phạt từ 2 đến 7 năm tù 3.257 (dưới 3 năm tù có 2.484 bị cáo; từ 3 đến 7 năm tù có 773 bị cáo) chiếm 71,2%.

Ví dụ: Khoản 13h ngày 13/4/2014, tổ công tác an ninh xã Dòm Cang, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La phối hợp cùng với Bộ đội Biên Phòng tiến hành kiểm tra Tráng Anh Tình, phát hiện và thu giữ trong túi quần bên phải của Hùng 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chất bột dạng cục màu trắng. Theo kết luận giám định là chế phẩm Hêrôin, trọng lượng 2,502g. Tại cơ quan điều tra, Tráng Anh Tình khai mua số Hêrôin trên của người không rõ lai lịch. Tại bản án số

36/2014/HSST ngày 30/6/2014 Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tuyên bị cáo Tráng Anh Tinh phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

2.2.2.3. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 theo khoản 2 Điều 194 BLHS.

Theo khảo sát trên địa bàn tỉnh Sơn La số bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 2 Điều 194 BLHS gồm 666 bị cáo chiếm 14,6%.

Ví dụ: Hồi 7 giờ ngày 12/6/2015, tại Km 104, Quốc lộ 43, thuộc địa phận Tiểu khu 1/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Tổ công tác Đồn biên phòng cửa khẩu Lóng Sập và Chi cục Hải quan cửa khẩu Lóng Sập chủ trì phối hợp với Phòng Phòng chống ma túy và tội phạm – Bộ đội Biên phòng Sơn La, Công an huyện Mộc Châu phát hiện và bắt quả tang đối tượng Tráng A Hạ trú tại xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tang vật thu giữ 14,5 gam Hêrôin. Đối tượng Tráng A Hạ khai nhận đã mua số ma túy trên từ bên kia biên giới Việt – Lào để mang ra thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu bán kiếm lời. Tại bản án số 50/2015/HSST ngày 25/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xử phạt Tráng A Hạ về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm đ, khoản 2 Điều 194 BLHS.

2.2.2.4. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015 theo khoản 3, 4 Điều 194 BLHS.

Theo khảo sát trên địa bàn tỉnh Sơn La số bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 3 Điều 194 BLHS gồm 414 bị cáo chiếm 9,05 % và số bị cáo bị quyết định hình phạt theo khoản 4 Điều 194 BLHS gồm 236 bị cáo chiếm 5,16 %. Giữa khoản 3 và khoản 4 Điều 194 BLHS chỉ khác nhau duy nhất ở trọng lượng hoặc thể tích chất ma túy mà thôi.

Ví dụ: Ngày 29-7-2013, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sơn La và Công an huyện Mộc Châu tiến hành kiểm tra hành chính nhà ở của Triệu Thị Vân đã phát hiện trong gầm giường có 20 bánh heroin.

Mở rộng điều tra, cơ quan công an đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Bàn Thị Hoa và Mùi Thị Xin. Tại cơ quan Công an, bọn chúng còn khai nhận đã tham gia mua bán tổng cộng 36 bánh heroin về miền xuôi để tiêu thụ. Đây là vụ án mua bán trái phép chất ma túy có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tuyên phạt mức án tử hình đối với bị cáo Triệu Thị Vân; bị cáo Bàn Thị Hoa lĩnh án chung thân theo khoản 4 Điều 194 BLHS, còn bị cáo Mùi Thị Xin chịu mức án 17 năm tù giam theo khoản 3, Điều 194 BLHS.

Thực tiễn cho thấy quyết định hình phạt của Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Sơn La đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thường nghiêm khắc hơn hành vi tàng trữ chất ma túy. Việc quyết định hình phạt như vậy là do Tòa án đã tiến hành xem xét, đánh giá kỹ lưỡng, đầy đủ và chính xác về mức độ nguy hiểm mà loại hành vi bị cáo đã thực hiện gây ra cho xã hội, để từ đó quyết định cho bị cáo một hình phạt phù hợp và đúng pháp luật. Do bám sát và áp dụng đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự nên việc định tội danh một cách chính xác và quyết định hình phạt phù hợp, vừa bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật, vừa bảo đảm tính nhân đạo trong từng trường hợp cụ thể. Vì vậy, số lượng bản án có kháng cáo ít, kết quả phúc thẩm tỷ lệ giữ nguyên án sơ thẩm là chủ yếu, không có vụ nào sửa về tội danh, đặc biệt không có vụ nào bị hủy.

Trên cơ sở nghiên cứu số liệu và các bản án, chúng tôi nhận thấy, với những bị cáo có nhân thân xấu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bản thân lại không nghiện ma túy thì thường bị áp dụng những hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục họ.

Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Sơn La đã chủ động, nỗ lực và phối hợp tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan hỗ trợ tư pháp, hoàn thành tốt nhiệm vụ xét nhiệm vụ xét xử; kịp thời đưa ra xét xử những vụ án trọng điểm được dư luận quan tâm, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, việc xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La còn có một số sai sót sau đây:

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, trong một số trường hợp cụ thể việc định khung hình phạt còn gặp vướng mắc, chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng:

Ví dụ: Tại nơi ở của Nguyễn Văn A, trong cùng một khoảng thời gian cùng lúc có hai đối tượng đến mua chất ma túy của A và A đã cùng lúc bán chất ma túy cho cả hai đối tượng.

Quan điểm 1: cho rằng A phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần, do vậy A phải chịu TNHS theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS.

Quan điểm 2: cho rằng A chỉ phạm tội một lần nhưng bán trái phép cho nhiều người nên A chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 194 BLHS.

- Trước khi có công văn số 234/CV ngày 17/9/2014 của TAND Tối cao và Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 thì hầu hết các vụ án về tội Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La không giám định về hàm lượng chất ma túy. Điều này là không đúng với yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999.

- *Không áp dụng hình phạt bổ sung:* Qua nghiên cứu số liệu và các bản án, chúng tôi nhận thấy đa số các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, Tòa án đều ít khi áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Thậm chí một số vụ án về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội này với số lượng lớn nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án vẫn không áp dụng hình phạt bổ sung.

2.3 Thực trạng các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Qua nhiều năm áp dụng thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, các cơ quan tố tụng nhận thấy nảy sinh nhiều vướng mắc trong xử lý án ma túy, nhiều quy định của Thông tư 17 chưa rõ ràng, chưa kịp thời và chưa thống nhất dẫn đến phát sinh một số vấn đề gây ra những cách hiểu và áp dụng khác nhau tại một số địa phương.

Theo nội dung 1.4 mục I của Thông tư 17 hướng dẫn: *“Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất”* hướng dẫn này không rõ ràng, dẫn đến cách hiểu không thống nhất và thực tế không phù hợp với quy định tại các Điều 193, 194, 195 của BLHS. Trong các Điều luật này chỉ quy định **trọng lượng** làm căn cứ định tội, định khung hình phạt để truy tố, xét xử.

Đặc biệt sau khi Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 yêu cầu Toà án nhân dân và Toà án quân sự các cấp thực hiện đúng quy định tại tiểu mục 1.4 mục 1 phần 1 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT trong đó có nội dung: *“Bắt buộc phải giám định hàm lượng của các chất thu giữ nghi là chất ma túy để lấy đó làm căn cứ kết tội các bị cáo theo quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999”* (sau đây viết tắt là Công văn số 234). Điều này làm ảnh hưởng lớn đến thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt nói riêng và tiến trình giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Về tính pháp lý của Công văn số 234 thì đây là công văn đơn ngành do Tòa án nhân dân tối cao ban hành để hướng dẫn Tòa án địa phương ADPL. Tuy nhiên, Công văn số 234 đã vượt quá quy định của pháp luật khi có thêm cụm từ *“để lấy đó làm căn cứ kết tội các bị cáo”*.

Tiếp theo đó, ngày 29/10/2014, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông báo số 264/TANDTC-TB trong đó quy định: *“việc giám định hàm lượng chất ma túy là*

*bắt buộc đối với các chất thu giữ được nghi là chất ma túy, để từ đó xác định trọng lượng chất ma túy làm căn cứ xử phạt bị cáo (trọng lượng chất ma túy được hiểu là **trọng lượng ma túy tinh chất, ma túy nguyên chất**)”*. Thông báo 264 lại có những nội dung vượt quá quy định của pháp luật: *(trọng lượng chất ma túy được hiểu là **trọng lượng ma túy tinh chất, ma túy nguyên chất**)”*.

Khi cơ quan Tòa án các cấp thực hiện Thông tư số 17, Công văn số 234 và Thông báo số 264, phần lớn Tòa án địa phương đã quyết định trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp để điều tra bổ sung với lý do chưa giám định hàm lượng các chất thu giữ nghi là chất ma túy và Viện kiểm sát tiếp tục trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra do không có sự thống nhất về nhận thức pháp luật. Từ đó, đã nảy sinh nhiều khó khăn, vướng mắc cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp trong thực tiễn giải quyết án ma túy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổng hợp như sau:

- Khi bắt quả tang, bắt khẩn cấp đối tượng phạm tội ma túy gặp nhiều khó khăn trong công tác phê chuẩn các quyết định, lệnh của cơ quan điều tra vì không thể xác định ngay được hàm lượng chất ma túy để xử lý hình sự hay xử lý hành chính cũng như việc phê chuẩn áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam.

- Đối với những trường hợp bắt giữ đối tượng mà trọng lượng ma túy thu giữ chỉ tương đương với mức khởi điểm để xử lý hình sự sẽ gặp khó khăn vì không xác định được ngay hàm lượng nên Viện kiểm sát khó ra quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc phê chuẩn áp dụng biện pháp ngăn chặn (tạm giữ, tạm giam) của cơ quan điều tra.

- Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án ma túy (VKSND Tối cao) chỉ ra do bất cập của Thông tư 17 nên thời gian vừa qua xuất hiện tư tưởng chỉ bắt các vụ có khả năng thu giữ số lượng ma túy lớn, không bắt những vụ buôn bán, tàng trữ nhỏ lẻ trong khi chính những vụ này mới là yếu tố gây mất trật tự trị an, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, có nhiều trường hợp đã gia hạn tạm giam theo quy định của BLTTHS không còn căn cứ để gia hạn tạm giam thì liên ngành tư pháp địa phương chưa có hướng giải quyết, chờ hướng dẫn của liên ngành trung ương, dẫn đến việc áp dụng biện pháp tạm giam gặp rất nhiều khó khăn và không theo quy định của pháp luật

- Việc giám định hàm lượng ma túy còn nhiều khó khăn vì giám định hàm lượng phải có các điều kiện: Máy sắc khí; Mẫu chuẩn mua của Liên Hợp Quốc (hiện nay rất khó khăn) hoặc tự sản xuất mẫu; Kỹ sư hóa được đào tạo, tập huấn kỹ năng; Phòng thí nghiệm đảm bảo phương tiện, hóa chất cần thiết...

Ma túy hiện nay có rất nhiều loại (nhiều loại mới), nếu không có mẫu chuẩn thì không thể so sánh giám định hàm lượng, nhất là tiền chất.

Việc giám định hàm lượng tất cả các địa phương toàn quốc phải gửi mẫu về Trung tâm giám định ma túy của Bộ Công an tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, việc đi lại vận chuyển ma túy đi giám định gặp nhiều khó khăn, tốn kém. Đối với Công an huyện vùng sâu, vùng xa có huyện chỉ có 1-2 điều tra viên điều tra án ma túy, mỗi vụ án thu được ma túy phải cử 1-2 điều tra viên mang mẫu về Trung tâm giám định thì rất khó khăn tốn kém về chi phí, thời gian đi lại chờ đợi.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thì từ năm 2011-2015 đã có 112 vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung liên quan đến vấn đề giám định hàm lượng và kết quả giải quyết sau khi có kết luận giám định hàm lượng. Điều này đã gây chậm trễ và thiếu tính kịp thời trong việc giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy và gây ảnh hưởng tiêu cực đến công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy của các cơ quan tố tụng tỉnh Sơn La.

Trước những khó khăn, bức xúc của dư luận, ngày 2/6/2015, Quốc hội đã có Nghị quyết số 76/2015/QH13 về tăng cường các biện pháp phòng chống oan sai, giao cho Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải sửa đổi bổ sung Thông tư 17 ngày 24/12/2007 của liên ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp và Công văn 234 ngày 17/9/2014 về giám định hàm lượng ma túy.

Với sự nỗ lực của các ngành, ngày 14/11/2015, lãnh đạo liên ngành Trung ương: Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp đã ký Thông tư liên tịch 08 sửa đổi bổ sung Thông tư 17 hướng dẫn một số quy định tại Chương 18 “Các tội về ma túy” của BLHS năm 1999. Thông tư ra đời đã tháo gỡ được khó khăn, được sự đồng tình của dư luận nhân dân, tạo điều kiện tích cực cho công tác phòng chống tội phạm về ma túy.

Nội dung cụ thể là:

“Điểm 2, Điều 1: Quy định trong mọi trường hợp khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại (loại ma túy gì) và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c. Xái thuốc phiện;

d. Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a,b,c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

...

Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội truy cứu TNHS về các tội danh và điều khoản tương ứng”.

Qua 1 năm thực hiện các quy định nêu trên của Thông tư liên tịch số 08 cũng đã bộc lộ một số vướng mắc cần được “tháo gỡ” kịp thời để việc giải quyết vụ án không bị kéo dài và quan trọng hơn chất lượng xét xử được chính xác hơn, tránh làm oan sai, cụ thể:

- Nội dung thông tư này có quy định chỉ bắt buộc giám định hàm lượng chất ma túy đối với 04 trường hợp: *“Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn, được hòa thành dung dịch; Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; Xái thuốc phiện; Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần”.* Như vậy sẽ giải quyết sao trong các trường hợp bắt

buộc phải giám định hàm lượng chất ma túy như đã nêu thì thực tế rất ít vụ án về ma túy khi chất nghi ma túy bị thu giữ ở thể rắn mà lại được pha loãng, ví dụ như Hêroin khi bị bắt thì các đối tượng này đã pha loãng để chích vào cơ thể, nếu khi giám định ra hàm lượng ma túy là bao nhiêu phần trăm thì tính quy đổi thành Hêroin nguyên chất ra sao? Vấn đề này, hiện cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có hướng dẫn cụ thể. Tương tự như vậy đối với ma túy ở thể lỏng được các đối tượng pha loãng thì quy đổi ra làm sao? Chưa nói đến hiện nay, xái thuốc phiện hầu như các đối tượng phạm tội về ma túy không bao giờ mua bán, cùng lắm chỉ là những đối tượng nghiện hút không có tiền buộc phải tàng trữ để sử dụng. Như vậy, việc quy định các trường hợp phải bắt buộc giám định như hướng dẫn tại Thông tư 08/2015/TTLT thì hầu như Cơ quan điều tra rất ít khi trưng cầu giám định hàm lượng. Mà nếu là như vậy, liệu Tòa án có được trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung không? Nếu có, thì căn cứ vào quy định nào?

Một vấn đề nữa, đó là: Tại sao chỉ có: *“Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch; Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; Xái thuốc phiện”* thì buộc phải giám định còn các chất ma túy khác có pha các chất khác lại không bắt buộc phải giám định như vậy có bảo đảm công bằng không?

- Thông tư 08/2015/TTLT hướng dẫn: *“...Nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm cho việc xét xử đúng pháp luật...”*. Hướng dẫn như vậy, theo tác giả sẽ dẫn đến việc nhận thức và ADPL không thống nhất, dẫn đến việc Tòa án cấp trên có thể hủy án của Tòa án cấp dưới bất cứ lúc nào. Bởi lẽ: Về nguyên tắc xét xử thì đương nhiên phải bảo đảm nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật vậy hiểu thế nào là: *“có căn cứ và xét thấy cần thiết...”*? Đối với các vụ án về ma túy thì khi thu giữ được các chất nghi là ma túy thì lúc nào cũng cần thiết phải giám định chất ma túy và chỉ có vậy thì mới xét xử đúng pháp luật. Nhất là hiện nay, rất nhiều trường hợp tàng trữ trái phép chất ma túy là Hêroin sau khi giám định hàm lượng thì lại không đủ trọng lượng trên 0,1g nếu căn cứ vào hướng dẫn tại tiêu mục 3.6 Mục 3 Thông tư

17/2007/TTLT thì họ chỉ bị xử phạt hành chính, nhưng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch 08/2015/TTLT thuộc trường hợp không bắt buộc Cơ quan Điều tra, Truy tố phải giám định, nếu Tòa án cũng coi là không cần thiết và không đi giám định thì sẽ dẫn đến tình trạng oan sai trong tố tụng hình sự. Bởi vậy, trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử luôn phải bảo đảm sự công bằng, khách quan và quyền con người muốn vậy thì đối với các vụ án về ma túy việc giám định hàm lượng các chất ma túy là hết sức cần thiết.

- Thông tư 08/2015/TTLT có hướng dẫn: “...*Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu TNHS về các tội danh và điều khoản tương ứng*”.

Hướng dẫn trên, theo tác giả nhằm khắc phục những vụ án về ma túy mang tính truy xét mà không thu giữ được vật chứng của vụ án là ma túy, nhưng hướng dẫn như vậy cũng chưa mang tính thuyết phục vì căn cứ nào để xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt? Chắc chắn chỉ dựa vào lời khai của họ hoặc lời khai của các đồng phạm. Nhưng tính trọng lượng như thế nào khi mà tất cả các vụ án về ma túy mang tính truy xét, đa phần lời khai chỉ là bao nhiêu “tép”; “gói” ma túy đá, Hêroin; “bánh” Hêroin, vậy căn cứ vào đâu để tính trọng lượng một “tép”; một “gói”; một bánh Hêroin là bao nhiêu gam, vì thực tế không có quy chuẩn thống nhất nào về đo lường quy định về vấn đề này, thực tế xét xử cũng cho thấy trọng lượng “tép”; “gói”; “bánh” là chất ma túy thu giữ trong các vụ án về ma túy là không giống nhau có “tép” là 0, 0,2446 gam; có “gói” là 0,0969 gam; có bánh là 350 gam, có bánh lại 300 gam hoặc ít hơn 300 gam... Nếu vậy việc xác định trọng lượng ma túy chỉ thông qua lời khai nhận của các bên liệu có chính xác không?

Việc ban hành Thông tư liên tịch số 08 đã tạo điều kiện cho cơ quan tiến hành tố tụng các cấp giải quyết hàng nghìn vụ án ma túy tồn đọng trong cả nước thời gian vừa qua, nhất là ở TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, theo số liệu thống kê

tại hai địa phương này còn tồn khoảng 1.000 vụ án ma túy do liên quan đến việc giám định hàm lượng chất ma túy. Tuy nhiên trước những vướng mắc đã nêu ở trên cần có những hướng dẫn cụ thể chỉnh sửa lại Thông tư số 08 phải xác định hàm lượng ma túy đó là thô hay tinh.

Đề nghị, áp dụng theo quy định của BLHS, quy định trọng lượng thì áp dụng trọng lượng và thống nhất sửa liên ngành.

Giải pháp lâu dài thống nhất đề nghị sửa BLHS theo hướng bổ sung thêm các tiền chất ma túy. Đồng thời, tiến hành sửa đổi Thông tư 17, căn cứ những tiến bộ của Thông tư 08 để tháo gỡ những khó khăn, trong đó quy định rõ trình tự thủ tục giám định chất ma túy. [46].

Kết luận chương 2

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng, vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy có ý nghĩa hết sức to lớn cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Để có được những quyết định chính xác và đúng pháp luật khi tiến hành định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đòi hỏi người ADPL phải nhận thức đúng đắn về mặt lý luận của việc định tội danh và quyết định hình phạt. Thực tiễn trong những năm qua hoạt động xét xử các vụ án về ma túy nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng của trên địa bàn tỉnh Sơn La đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, khi xét xử các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La vẫn còn bộc lộ những sai sót, hạn chế khi định tội danh và quyết định hình phạt. Chính vì vậy, cần phải kịp thời khắc phục những sai sót, hạn chế đó đồng thời đề xuất hoàn thiện pháp luật và đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các vụ án một cách có hiệu quả cao nhất đáp ứng được những yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm về ma túy nói riêng.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TÀNG TRỮ, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN TRÁI PHÉP HOẶC CHIẾM ĐOẠT CHẤT MA TUÝ

3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Bộ luật Hình sự năm 1999 đã nhập các hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy và chiếm đoạt chất ma túy vào một Điều 194 BLHS với tên gọi tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Thực tiễn ADPL cho thấy 04 hành vi nêu trên có mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên việc nhập 04 hành vi này vào cùng một điều luật để xử lý là chưa đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với các đối tượng mua bán là người chủ mưu, cầm đầu, hưởng lợi lớn. Hơn nữa, điều luật quy định về tội phạm ghép cũng không thể mô tả hết được hành vi khách quan và cấu thành cơ bản đối với từng tội phạm dẫn đến khó khăn cho việc xác định tội danh, áp dụng hình phạt chính xác, công bằng. Mặt khác, hiện nay theo quy định của BLHS thì mức hình phạt quy định cho các khung của Điều 194 còn quá rộng, việc này đã gây ra sự tùy tiện trong việc quyết định hình phạt dẫn đến thiếu tính thống nhất và tính thuyết phục trong quyết định.

Từ những phân tích trên mà chúng tôi hoàn toàn đồng tình với quan điểm được thể hiện trong BLHS năm 2015 về việc tách các hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy ra và quy định độc lập về tội danh cũng như mức hình phạt cụ thể đối với từng hành vi đó theo quy định tại các Điều 249, 250, 251 và 252 BLHS năm 2015. Đồng thời việc không quy định hình phạt tử hình đối với hành vi tàng trữ và chiếm đoạt chất ma túy đã góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về hạn chế áp dụng hình phạt tử hình. Mặt khác, đã quy định cụ thể hành vi phạm tội tại khoản 1 của tội tàng trữ, tội vận chuyển, tội mua bán trái phép, tội chiếm đoạt chất ma túy một cách cụ thể, chi tiết đồng thời thu hẹp khoảng

cách mức hình phạt được quy định tại các khung hình phạt của tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội chiếm đoạt chất ma túy.

3.2. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự

Trong thực tiễn ADPL hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nhìn chung là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của người phạm tội khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bên cạnh đó trong công tác xét xử vẫn còn vẫn còn nhiều vấn đề cần phải sửa đổi để rút kinh nghiệm từ đó có những hướng dẫn cụ thể trong việc giải quyết các vụ án cụ thể. Đồng thời thông qua việc tổng kết thực tiễn ADPL nhằm phát hiện kịp thời những thiếu sót, hạn chế và vướng mắc của các quy định của pháp luật trong quá trình áp dụng trong thực tiễn để từ đó có những đề xuất, kiến nghị kịp thời để sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn các quy định của pháp luật chính xác, phù hợp hơn và đạt kết quả điều chỉnh cao hơn nhằm tạo căn cứ pháp lý vững chắc cho việc giải quyết các vụ án được chính xác và có tính thuyết phục cao hơn.

3.3. Các giải pháp về tổ chức và tăng cường nguồn lực để bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

3.3.1 Giải pháp nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự

- Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực chuyên môn của thẩm phán.

Hoạt động ADPL là lĩnh vực hoạt động đặc thù chỉ do cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền thực hiện. Dù là cơ quan nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền thì cũng đều phải thông qua những cá nhân con người cụ thể. Vì vậy để bảo đảm chất lượng của hoạt động ADPL hình sự của Tòa án, việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Chủ thể chủ yếu và trực tiếp ADPL hình sự của Tòa án nhân dân là Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử sơ thẩm là 01 thẩm phán và 02 hội thẩm hoặc 02 thẩm phán và 03 hội thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm là 03 thẩm phán. Dù là xử sơ thẩm hay

phúc thẩm thì thẩm phán đều là chủ tọa phiên tòa, trực tiếp xét xử và điều hành phiên tòa, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng ADPL hình sự của Tòa án.

+ Trình độ tri thức, hiểu biết pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ của thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng ADPL hình sự của Tòa án. Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ thẩm phán xét xử án hình sự có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn (có thể chuyên môn hóa theo nhóm tội danh của BLHS). Quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tế xét xử, từ chất lượng các bản án hình sự đã xét xử, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác, luật sư, hội thẩm..., kịp thời phát hiện những công chức, thẩm phán có năng khiếu, năng lực sở trường về xét xử án hình sự để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu họ xét xử án hình sự.

Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật cho đội ngũ thẩm phán và công chức Tòa án những tri thức hiểu biết về các vấn đề pháp luật nói chung, những pháp luật cụ thể liên quan đến hoạt động ADPL nói riêng, trang bị cho họ những kỹ năng ADPL, nhằm làm hình thành ở đội ngũ này tri thức pháp luật, tình cảm pháp chế và hành vi ADPL phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những vụ án bị hủy, cải sửa lớn do lỗi chủ quan của Hội đồng xét xử. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến bị hủy án để không vướng phải những lỗi ấy ở các vụ án tiếp theo.

Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ thẩm phán. Có chính sách khuyến khích thẩm phán tích cực học tập để nâng cao trình độ của mình, đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản pháp luật liên quan lên website của ngành để thẩm phán, công chức thuận lợi tra cứu, cập nhật văn bản mới. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về luật hình sự, luật tố tụng hình sự, kỹ năng nghiệp vụ xét xử án hình sự. Tổ chức các phiên tòa mẫu, yêu cầu các thẩm phán khác dự và đóng góp ý kiến.

Sớm hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán. Ngoài tiêu chuẩn theo quy định hiện hành cần phải kết hợp với đánh giá hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn. Trước khi bổ nhiệm hoặc tái nhiệm cần tổ chức thi tuyển nghiệp vụ xét xử hoặc 05 năm 01 lần tổ chức thi sát hạch với toàn thể đội ngũ thẩm phán để sàng lọc những thẩm phán trình độ chuyên môn nghiệp vụ kém. Việc tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán cần phải công khai, minh bạch, nghiêm ngặt, khắt khe và cạnh tranh. Cho phép tất cả mọi người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn, tự do nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn, để đảm bảo tuyển chọn được Thẩm phán có tri thức, bản lĩnh, theo tiêu chí "thà ít mà chất lượng".

Việc tạo nguồn thẩm phán nên nghiên cứu theo hướng mở, không chỉ là thư ký, công chức Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao nên tổ chức thi tuyển đào tạo chức danh thẩm phán đối với những người có bằng tốt nghiệp Đại học luật trở lên, có nguyện vọng làm thẩm phán. Sau thời gian đào tạo xét xử chuyên sâu một lĩnh vực, sát hạch nghiêm túc, khách quan, công bằng (công khai các bài thi của người trúng tuyển lên mạng internet để nhiều chủ thể có thể giám sát). Nếu họ vượt qua được thì tuyển dụng họ vào làm thư ký Tòa án các cấp và là nguồn bổ nhiệm thẩm phán. Điều này sẽ nâng cao chất lượng nguồn bổ nhiệm thẩm phán, tạo điều kiện cho những người có năng lực và tâm huyết với nghề thẩm phán có cơ hội được làm thẩm phán, mặt khác giảm được gánh nặng ngân sách của nhà nước cho việc đào tạo nghiệp vụ xét xử cũng như những tiêu cực trong việc xét duyệt cử đi học lớp nghiệp vụ xét xử.

+ Đãi ngộ thỏa đáng và sử dụng hợp lý đội ngũ thẩm phán. Lao động của thẩm phán là lao động đặc thù, chịu nhiều áp lực, đòi hỏi phải có trí tuệ, bản lĩnh, chuyên môn nghiệp vụ cao. Cần phải có mức lương tương xứng với lao động đặc thù của thẩm phán. Chỉ khi mức lương của thẩm phán đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, đầu tư thời gian nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu hồ sơ vụ án, hạn chế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực, vô tư, khách quan trong việc ADPL.

Thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ án đã xét xử hàng năm. Xây dựng các danh hiệu, như thẩm phán nhân dân, thẩm phán ưu tú... để xã hội tôn vinh những thẩm phán mẫu mực.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của từng thẩm phán. Việc sắp xếp, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với thẩm phán phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử, sở trường công tác của mỗi thẩm phán. Đồng thời có cơ chế tạo áp lực để thẩm phán phải luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thay thế những thẩm phán không đáp ứng được yêu cầu như: Xử oan người vô tội, xử sai tội danh, bỏ lọt tội phạm... Kỷ luật nghiêm những thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, dọa nạt, vòi vĩnh, đòi hỏi lộ...

Việc luân chuyển thẩm phán chỉ nên đặt ra đối với thẩm phán là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án, vì chánh án là người lãnh đạo cơ quan Tòa án, chịu trách nhiệm phân công tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn vượt trội, toàn diện và kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động xét xử các loại án thuộc thẩm quyền của Tòa án, như: Hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính.

Việc chuyển và đề bạt cán bộ phải có sự đồng ý của chính người được chuyển hoặc đề bạt, trừ trường hợp việc chuyển và đề bạt là cần thiết. Việc chuyển và đề bạt cần phải có một quy trình minh bạch, công khai và khách quan. Nếu không, việc chuyển và đề bạt có thể được coi là một hành vi "trùng phạt" tiềm ẩn áp dụng đối với cán bộ.

Bảo đảm sự ổn định nhiệm kỳ của Thẩm phán, quy định đương nhiên tái nhiệm trừ khi Thẩm phán bị kỷ luật ở mức cách chức, không nên dựa vào số án hủy, sửa làm căn cứ để xem xét tái nhiệm Thẩm phán. Đề xuất này nhằm hạn chế thông lệ xin đường lối xét xử, xin "thỉnh thị" trước khi xét xử.

+ Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với thẩm phán và công chức Tòa án.

Phát động toàn thể thẩm phán, công chức Tòa án tích cực học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt lời Bác Hồ dạy: "Phụng công thủ pháp, chí

công vô tư". Không chỉ có đủ năng lực trình độ mà mỗi Thẩm phán cần phải tự ý thức được rằng: Quyền lực Nhà nước là của nhân dân, nhân dân trao cho mình là để phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Không được sử dụng tùy tiện quyền lực ấy hoặc để tư lợi cho mình. Người Thẩm phán phải biết vượt qua các cám dỗ, để tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với chế độ, dũng cảm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của công dân.

Tăng cường và đổi mới công tác giám sát hoạt động ADPL hình sự của Tòa án. Kịp thời thông báo công khai thông tin về kết quả ADPL trên các phương tiện thông tin đại chúng có tác dụng khích lệ, cổ vũ các chủ thể pháp luật tích cực hơn nữa trong việc phát hiện các hành vi phạm pháp, phạm tội vì nó mang lại những kết quả cụ thể thiết thực. Nó cũng có tác dụng củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân vào hiệu lực của bộ máy nhà nước và hiệu quả của các cơ quan thực thi, bảo vệ pháp luật, góp phần gia tăng niềm tin của nhân dân đối với pháp luật nói chung.

- Nâng cao chất lượng hoạt động, chế độ đãi ngộ, trách nhiệm và đảm bảo sự độc lập của Hội thẩm nhân dân.

Hội thẩm nhân dân là những thành viên của hội đồng xét xử, là những người có uy tín trong nhân dân được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra để thay mặt nhân dân trực tiếp tham gia xét xử các vụ án, là chủ thể quan trọng trong việc ADPL hình sự tại Tòa án, đặc biệt là xét xử sơ thẩm án hình sự thì quyết định của bản án chính là quyết định của các hội thẩm vì số Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử đông hơn thẩm phán mà lại biểu quyết theo đa số, thẩm phán ngang quyền với Hội thẩm. Các phán quyết sơ thẩm này không bao giờ có hiệu lực pháp luật ngay mà phải sau một thời gian nhất định, các chủ thể bị ADPL cảm thấy quyết định là phù hợp và Viện kiểm sát thấy phán quyết đã đúng pháp luật, họ không có kháng cáo, kháng nghị thì phán quyết này mới có hiệu lực pháp luật.

Sau khi được bầu làm hội thẩm thì Tòa án cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ xét xử, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho các hội thẩm nhân dân. Vì là đại diện cho nhân dân không chỉ căn cứ vào pháp luật mà còn căn cứ vào lẽ công bằng, lẽ phải ở đời, dưới góc nhìn của những người dân để phán quyết đối với bị cáo có tội hay không

có tội, tội danh gì và mức hình phạt tương xứng. Vì vậy không thể yêu cầu Hội thẩm phải có trình độ chuyên môn cao, chuyên nghiệp như thẩm phán. Không chỉ Việt Nam mà hầu hết các nước trên thế giới, thành viên bồi thẩm đoàn đều là những công dân có uy tín đại diện cho các bộ phận dân cư trực tiếp tham gia xét xử, không yêu cầu cao về tiêu chuẩn trình độ pháp lý. Tuy nhiên các Hội thẩm nhân dân cần chủ động tìm hiểu pháp luật, nâng cao trách nhiệm của mình đối với công tác xét xử, để có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ Hội thẩm của mình. Đoàn Hội thẩm nhân dân cần độc lập về tài chính và việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa. Để khuyến khích Hội thẩm nhân dân nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử có hiệu quả cần có chế độ đãi ngộ tương xứng. Kinh phí hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân cần phải độc lập không phụ thuộc vào Tòa án như hiện nay, để đoàn hội thẩm chủ động chi trực tiếp cho các hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và xét xử.

Mặt khác cũng là để tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử, giao việc bố trí Hội thẩm tham gia phiên tòa cho Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm cần có quy chế bố trí Hội thẩm lần lượt tham gia phiên tòa, nếu vì lý do không tham gia xét xử được khi đến lượt phải có văn bản báo cáo và được bố trí tham gia vào lần tiếp theo. Tránh tình trạng Hội thẩm không theo định hướng của thẩm phán khi nghị án thì ít được mời tham gia xét xử hoặc để tiết kiệm kinh phí, thời gian Tòa án bố trí cho Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ quá ít so với yêu cầu.

- Bảo đảm nguyên tắc khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Hiến pháp năm 2013 quy định: *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, hội thẩm"*.

Nguyên tắc này được đảm bảo dưới các khía cạnh sau:

Thứ nhất: Tòa án phải độc lập với cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, không bị giám sát, kiểm soát, lệ thuộc về mặt nhận định, tổ chức, nhân sự, kinh phí....

Thứ hai: Độc lập từ các yếu tố khách quan tác động từ bên trong các mối quan hệ nội bộ của Tòa án. Độc lập giữa Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên, độc lập trong nội bộ một Tòa án, giữa thẩm phán chủ tọa với chánh án, chánh tòa. Cần phải tách bạch giữa quan hệ hành chính với quan hệ tố tụng. Đề cao trách nhiệm của Hội đồng xét xử đối với phán quyết của mình.

Thứ ba: Độc lập giữa các thành viên trong Hội đồng xét xử, mỗi thành viên độc lập và ngang quyền với nhau trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai nội dung có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chỉ khi nào bảo đảm cho Thẩm phán và Hội thẩm độc lập, thì họ mới chỉ tuân theo pháp luật và ngược lại. Thẩm phán và Hội thẩm độc lập mới nâng cao được chất lượng xét xử, nâng cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên Hội đồng xét xử, đúng với tính chất của hoạt động xét xử, bảo đảm khách quan đúng với diễn biến phiên tòa.

Độc lập xét xử là nguyên tắc hiến định, là cốt lõi của quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm tính tối cao của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và kiểm soát các quyền lực nhà nước và bảo vệ quyền con người. Việc tăng cường cơ chế giám sát của nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án, của Thẩm phán thông qua việc công khai rộng rãi các phán quyết của Tòa án là nhu cầu thiết thực. Điều đặc biệt quan trọng để đạt được mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là phải nhận thức một cách toàn diện về quyền tư pháp, nâng cao vị thế của quyền tư pháp, của Tòa án, của Thẩm phán. Có như vậy, thì nguyên tắc "Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" mới có ý nghĩa và được bảo đảm một cách đích thực.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Trong những năm tới, tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La dự báo còn diễn biến phức tạp. Điều đó đặt ra yêu cầu phải nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Để làm được điều này, tác giả đưa ra một hệ thống các giải pháp

đồng bộ. Cụ thể:

* Một số biện pháp về nghiệp vụ:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ;
- Tăng cường kết hợp chặt chẽ giữa công tác trinh sát và điều tra hình sự theo pháp luật tố tụng;

- Cần sử dụng tốt các biện pháp trinh sát kỹ thuật và làm tốt công tác sưu tra, xác minh hiềm nghi;

- Tăng cường xây dựng và bố trí mạng lưới bí mật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để đáp ứng được yêu cầu...

* Trong quan hệ phối hợp:

- Cần có sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ giữa các lực lượng phòng chống tội phạm về ma túy;

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng trực tiếp phòng chống ma túy toàn quốc;

- Phối hợp với các đơn vị viễn thông để nắm được thông tin liên lạc của đối tượng.

* Về công tác tổ chức:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy;

- Làm tốt chế độ chính sách, động viên kịp thời cán bộ chiến sĩ, gia đình họ, đồng thời kiên quyết ngăn chặn kịp thời những biểu hiện sai phạm.

- Đảm bảo kinh phí, phương tiện, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy;

- Nâng cao chất lượng công tác giám định các chất ma túy;

- Làm tốt công tác quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ; tổ chức tuần tra vũ trang vào các giờ cao điểm tại khu vực trọng điểm ma túy, các địa bàn giáp danh.

* Về hoàn thiện pháp luật:

- Cần sớm có văn bản hướng dẫn việc giải quyết đối với các đối tượng phạm tội về ma túy ra đầu thú, những đối tượng thành khẩn khai báo;

- Chính quyền địa phương tạo điều kiện hơn nữa cho lực lượng phòng chống ma túy, đó là "thiện trí của người làm luật" đối với lực lượng này;

- Khi xuất hiện những loại ma túy mới cần khẩn trương rà soát, bổ sung, đưa vào danh mục các chất ma túy bị kiểm soát.

3.4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác truy tố tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Để khắc phục những hạn chế, phát huy hơn nữa những điểm tốt, trong thời gian tới hệ thống Viện kiểm sát trên địa bàn tỉnh Sơn La cần phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ. Một trong số các biện pháp đó là:

* Đối với công tác nghiệp vụ:

- Tăng cường hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và giải quyết đơn liên quan đến ma túy;

- Kiểm sát viên phải bám sát tiến độ điều tra, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót để đề ra các yêu cầu điều tra;

- Đối với công tác kiểm sát điều tra cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa kiểm sát điều tra, kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam;

- Trước khi diễn ra phiên tòa, Kiểm sát viên cần phải chuẩn bị kỹ tài liệu để bảo vệ thành công cáo trạng của mình.

* Về quan hệ phối hợp hoạt động:

- Chú trọng giải quyết kịp thời, nghiêm minh các vụ án ma túy thuộc thẩm quyền, sớm ra quyết định phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra;

- Trong quá trình điều tra vụ án, Kiểm sát viên luôn phối hợp cùng Điều tra viên giải quyết vướng mắc, tham gia hỏi cung trong trường hợp cần thiết;

- Đối với những vụ lớn, phức tạp, án điểm, Kiểm sát viên chủ động đề xuất hợp liên ngành làm án để bàn biện pháp phối hợp nhằm tập trung sự thống nhất của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ;

- Trường hợp cần bổ sung tài liệu thì Kiểm sát viên chủ động thu thập hoặc trao đổi với Điều tra viên để hoàn thiện hồ sơ trước khi chuyển sang Tòa án;

- Đối với những vụ án do cấp trên quyết định chuyển vụ án hình sự để xét

xử, Kiểm sát viên nơi được ủy quyền phải thường xuyên liên hệ với Kiểm sát viên cấp ủy quyền; trường hợp phát hiện cáo trạng cũng như tài liệu trong hồ sơ có sai sót cần trao đổi với Kiểm sát viên thụ lý kiểm sát điều tra ra văn bản đính chính.

* Về công tác tổ chức:

- Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ lẫn phẩm chất đạo đức của Kiểm sát viên;

- Trong thời gian tới cần tăng số lượng Kiểm sát viên gắn liền với yêu cầu trình độ, nghiệp vụ;

- Sớm ban hành văn bản quy định việc hưởng chế độ đặc thù cho Kiểm sát viên làm án ma túy.

3.3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xét xử tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

Trong xét xử các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La tác giả đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm này như sau:

* Trong công tác nghiệp vụ:

- Tăng cường tổ chức xét xử lưu động các vụ án ma túy gắn liền với nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục qua phiên tòa;

- Đối với những vụ án chọn làm án điểm, vụ án lớn, phức tạp cần phân công những thẩm phán có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm khi xét xử;

- Cần tiếp tục tăng cường công tác giám đốc xét xử các vụ án ma túy...

* Giải pháp về quan hệ phối hợp hoạt động:

- Tòa án chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn một số vụ án điểm về tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy hoặc chống người thi hành công vụ trong công tác phòng chống ma túy để đưa ra xét xử lưu động tại các địa bàn phức tạp về tệ nạn ma túy.

- Đồng thời Tòa án cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền kết quả xét xử các vụ án về ma túy nhằm nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy trong nhân dân.

- Thẩm phán được phân công xét xử vụ án phải với Kiểm sát viên thụ lý án để trao đổi những vướng mắc, Trong trường hợp có vướng mắc không giải quyết được mới tranh thủ ý kiến của ngành dọc cấp trên trước khi đưa vụ án ra xét xử.

- Khi đã có quyết định chuyển vụ án hình sự ra xét xử sơ thẩm, chủ động bàn bạc với Kiểm sát viên, lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp về kế hoạch dẫn giải bị cáo, kế hoạch bảo vệ phiên tòa.

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và các cơ quan chức năng trong giải quyết án ma túy, cần Ban hành Thông tư liên tịch giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

* Trong công tác tổ chức:

- Thường xuyên tiến hành bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán Thẩm phán, Hội thẩm;

- Nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức về biên chế, tổ chức cán bộ, chế độ đãi ngộ đúng mức để cho họ có thể vô tư trong xét xử;

- Nâng mức thù lao cho Hội thẩm, cơ quan nơi công tác của Hội thẩm nhân dân tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử;

- Phải có các cơ chế để kiểm tra, giám sát hoạt động xét xử;

- Tăng kinh phí cho Tòa án địa phương để tổ chức xét xử lưu động nhiều hơn

- Đầu tư hơn nữa về cơ sở vật chất, điều kiện phương tiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan hỗ trợ tư pháp, đặc biệt hiện nay cần trang bị máy móc, phương tiện và đào tạo cho cơ quan giám định về ma túy ở các tỉnh để có đủ năng lực giám định hàm lượng và tất cả các chất ma túy, tạo thuận lợi cho công tác xét xử.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015, chúng tôi đã đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc

chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng. Trên đây là những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc ADPL hình sự trong việc giải quyết các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, chính xác và hiệu quả các giải pháp nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố và xét xử để giải quyết kịp thời, chính xác, phù hợp và đúng pháp luật các vụ án nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy nói chung và tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: ***“Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sơn La”*** cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung như sau:

Trong những năm gần đây, tội phạm về ma túy nói chung và tội phạm tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy nói riêng trở thành vấn đề toàn cầu. Chúng đang là mối hiểm họa đối với từng gia đình, cộng đồng và xã hội, hậu quả do ma túy gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, làm tổn hại đến sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm, đe dọa sự ổn định, phồn vinh và trường tồn của dân tộc.

Phòng chống, đấu tranh với tội phạm về ma túy là một vấn đề quan trọng, phức tạp và mang tính lâu dài. Đó không chỉ là vấn đề của một tổ chức, đoàn thể hay cá nhân mà của toàn xã hội. Nó liên quan đến nhiều chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với tệ nạn ma túy là yêu cầu cấp bách đối với mỗi cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và toàn xã hội.

Qua nghiên cứu chương một của luận văn về những vấn đề khái niệm “ma túy”, “chất ma túy” và “tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy”, một số nét khái quát về lịch sử lập pháp của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trong pháp luật Việt Nam đồng thời phân biệt tội này so với các tội phạm khác trong BLHS 1999 và phân tích dấu hiệu pháp lý hình sự của tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy được quy định trong Điều 194 BLHS 1999. Chúng tôi đã cố gắng tiếp cận, khái quát, đưa ra có hệ thống những vấn đề lý luận về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy quy định trong Điều 194 BLHS 1999.

Và từ thực tiễn xét xử các vụ án về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La, thực tiễn việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội này từ thực tiễn tỉnh Sơn La giai đoạn

2011-2015 trong chương 2 của luận văn, cho thấy việc áp dụng quy định của Điều 194 BLHS và các văn bản hướng dẫn áp dụng còn nhiều hạn chế, vướng mắc cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện. Từ đó, đã chỉ ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La nói riêng và cả nước nói chung.

Trong khuôn khổ luận văn, những giải pháp được đề cập tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản và cần thiết để giúp cho các cơ quan giải quyết tội phạm một cách kịp thời, đúng người, đúng tội, cũng như trên cơ sở nguyên tắc nhân đạo của pháp luật Hình sự, hướng tới mục tiêu giảm thiểu các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, đảm bảo phát triển kinh tế, ổn định trật tự xã hội theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Với phạm vi thời gian và điều kiện cho phép, khả năng lý luận và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót và bất cập, rất mong được sự quan tâm, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Bộ Công an, Hội đồng thẩm phán, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) (1998), *Thông tư liên tịch số 02/1998/TTLT ngày 05/8/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương VIIA “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
- 2) Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp (2007), *Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
- 3) Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLN ngày 14/11/2015 sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
- 4) Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- 5) Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- 6) Lê Cẩm (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Một số vấn đề chung về định tội danh)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- 7) Chính phủ (2013), *Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định về việc Ban hành danh mục chất ma túy và tiền chất*, Hà Nội.
- 8) Chính phủ (2009), *Nghị định 45/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 quy định về việc hướng dẫn nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý, sử dụng mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần về mục đích quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.
- 9) Chủ tịch nước (1997), *Quyết định số 798/QĐ-CTN ngày 01/9/1997 về việc nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia 3 công ước Liên hợp quốc về kiểm soát ma túy*, Hà Nội.

- 10) Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 24/5 của bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
- 11) Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
- 12) Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 13) Nguyễn Minh Đức (2015), *Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ án ma túy*, Tạp chí kiểm sát, số 20, tr. 7 - 13.
- 14) Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2007), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 15) Nguyễn Huy Hoàng (2013), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Lai Châu*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
- 16) Phạm Trung Hiếu (2013), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
- 17) Phạm Văn Khôi (2012), *Quyết định hình phạt đối với các tội phạm về ma túy từ thực tiễn thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
- 18) Liên hợp quốc (1961), *Công ước thống nhất về các chất ma túy* (đã sửa đổi theo Nghị định thư 1972 sửa đổi Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961), New York (Mỹ).
- 19) Liên hợp quốc (1971), *Công ước về các chất hướng thần*, Vienna (Áo)
- 20) Liên hợp quốc (1988), *Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần*, Vienna (Áo).
- 21) Cao Thị Oanh (2012), *Một số vấn đề liên quan đến hướng dẫn áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự*, Luật học.

- 22) Cao Thị Oanh (2013), *Kỹ thuật lập pháp của Bộ luật Hình sự Việt Nam một số hạn chế và kiến nghị*, Nghề luật, Học viện Tư pháp.
- 23) Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm (tập IV) Các tội phạm về ma túy*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- 24) Đinh Văn Quế (2001), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 25) Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội
- 26) Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
- 27) Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
- 28) Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
- 29) Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 30) Quốc hội (2001), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 31) Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
- 32) Quốc hội (2000), *Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.
- 33) Quốc hội (2008), *Luật phòng, chống ma túy (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
- 34) Hồ Sỹ Sơn (2008), *Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của BLHS năm 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự*, Luật học.
- 35) Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 36) Hồ Sỹ Sơn (2010), *Khái niệm, bản chất, nội dung và giới hạn của trách nhiệm hình sự*, Viện Nhà nước và Pháp luật.
- 37) Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, *Báo cáo số liệu năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*, Sơn La.
- 38) Phan Thị Hồng Thắng (2013), *Định tội danh đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy từ thực tiễn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- 39) Nguyễn Thủy Thanh (2012), *Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
- 40) Từ điển Bách khoa Công an nhân dân (1996), Nxb Đà Nẵng và Trung tâm từ điển học, tr.583.
- 41) Từ điển Bách khoa Công an nhân dân (2005), Nxb Công an nhân dân, tr.28.
- 42) Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 43) Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 44) Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 45) Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
- 46) <http://cand.com.vn/Van-de-hom-nay-thoi-su/Co-4-truong-hop-bat-buoc-phai-trung-cau-giam-dinh-ham-luong-chat-ma-tuy-373037/>
- 47) <http://text.123doc.org/document/1463304-thuc-trang-toi-pham-buon-ban-ma-tuy-o-tinh-son-la-mot-so-bien-phap-han-che-toi-pham-buon-ban-ma-tuy-gia-tang.htm>
- 48) <http://www.hvcsnd.edu.vn/vn/Acedemy/Vu-an-dien-hinh/60/641/Ma-tuy-va-nhung-he-luy-kinh-hoang.aspx>
- 49) (<http://www.un.org.vn>)
- 50) (<http://www.who.int>)